

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (GD MẦM NON)
(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
1	Trường MN Hoàng Châu	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
2	Trường MN Phù Long	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
3	Trường MN Sao Mai	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
4	Trường MN Sơn Ca	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
5	Trường MN thị trấn Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
6	Trường MN Trân Châu	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
7	Trường MN Văn Phong	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
8	Trường MN Xuân Đám	Đặc khu Cát Hải	Công lập	Trường mầm non
9	Lớp MNĐL Diệu Hòa	Phường Ái Quốc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
10	Trường MN Ái Quốc	Phường Ái Quốc	Công lập	Trường mầm non
11	Trường MN Quyết Thắng	Phường Ái Quốc	Công lập	Trường mầm non
12	Trường MN Thỏ Ngọc	Phường Ái Quốc	Tư thực	Trường mầm non
13	Trường MN Tiền Trung	Phường Ái Quốc	Tư thực	Trường mầm non
14	Lớp MNĐL Bảo Thư	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
15	Lớp MNĐL Bầu trời mới	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
16	Lớp MNĐL Bé Yêu	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
17	Lớp MNĐL Bình Minh	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
18	Lớp MNĐL Búp Sen Xanh	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
19	Lớp MNĐL Cá Heo Con	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
20	Lớp MNĐL Dương Hà	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
21	Lớp MNĐL Hạnh Phúc	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
22	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
23	Lớp MNĐL Hoa Mai	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
24	Lớp MNĐL Hoa Nắng	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
25	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
26	Lớp MNĐL Mặt Trời Nhỏ	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
27	Lớp MNĐL Ngày Chủ Nhật	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
28	Lớp MNĐL Ngôi nhà trẻ thơ	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
29	Lớp MNĐL Nụ cười tuổi thơ	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
30	Lớp MNĐL Ong Vàng	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
31	Lớp MNĐL Sao Đỏ	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
32	Lớp MNĐL Sao Khuê	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
33	Lớp MNĐL Sóc Nâu	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
34	Lớp MNĐL Thủy Tiên	Phường An Biên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
35	Trường MG Kim Đồng II	Phường An Biên	Công lập	Trường mẫu giáo
36	Trường MN 1-6	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
37	Trường MN An Dương	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
38	Trường MN Hoa Cúc	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
39	Trường MN Hoa Thủy Tiên	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
40	Trường MN Hướng Dương	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
41	Trường MN Lý Thái Tổ	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
42	Trường MN Minh Phương	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
43	Trường MN Pororo	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
44	Trường MN Quốc tế KinderWorld	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
45	Trường MN Tuổi thần tiên	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
46	Trường MN Vĩnh Niệm	Phường An Biên	Công lập	Trường mầm non
47	Trường MN XD Bạch Đằng	Phường An Biên	Tư thực	Trường mầm non
48	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
49	Lớp MNĐL Họa Mi Vàng	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
50	Lớp MNĐL Họa My	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
51	Lớp MNĐL Sao Sáng	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
52	Lớp MNĐL Sao Sáng 2	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
53	Lớp MNĐL Thiên Ân	Phường An Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
54	Nhóm trẻ ĐL cô Nga	Phường An Dương	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
55	Trường MN An Dương	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
56	Trường MN Bắc Sơn	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
57	Trường MN Đặng Cương	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
58	Trường MN Kim Đồng	Phường An Dương	Tư thực	Trường mầm non
59	Trường MN Lê Lợi	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
60	Trường MN Nam Sơn	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
61	Trường MN Quốc Tuấn	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
62	Trường MN Sao Mai	Phường An Dương	Tư thực	Trường mầm non
63	Trường MN Sao Mai 2	Phường An Dương	Tư thực	Trường mầm non
64	Trường MN Tân Tiến	Phường An Dương	Công lập	Trường mầm non
65	Lớp MNĐL Bảo Lộc	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
66	Lớp MNĐL Bé Na	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
67	Lớp MNĐL Happystar	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
68	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
69	Lớp MNĐL Hoa Thủy Tiên	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
70	Lớp MNĐL Minh Châu	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
71	Lớp MNĐL Moon Grass	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
72	Lớp MNĐL Sao Sáng	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
73	Lớp MNĐL Sơn Ca	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
74	Lớp MNĐL Sunflower	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
75	Lớp MNĐL SunKids	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
76	Lớp MNĐL Thành Công	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
77	Lớp MNĐL Tuổi Thần Tiên	Phường An Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
78	Trường MN An Đồng I	Phường An Hải	Công lập	Trường mầm non
79	Trường MN An Đồng II	Phường An Hải	Công lập	Trường mầm non
80	Trường MN Baby-stars	Phường An Hải	Tư thực	Trường mầm non
81	Trường MN Bé Thông Minh	Phường An Hải	Tư thực	Trường mầm non
82	Trường MN Đồng Thái	Phường An Hải	Công lập	Trường mầm non
83	Trường MN Đôrêmon	Phường An Hải	Tư thực	Trường mầm non
84	Trường MN Hồng Thái	Phường An Hải	Công lập	Trường mầm non
85	Trường MN Ngôi Nhà Ong Xanh	Phường An Hải	Tư thực	Trường mầm non
86	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường An Phong	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
87	Lớp MNĐL Ánh Sao	Phường An Phong	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
88	Nhóm trẻ ĐL Măng Non	Phường An Phong	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
89	Trường MN An Hòa	Phường An Phong	Công lập	Trường mầm non
90	Trường MN Hồng Phong	Phường An Phong	Công lập	Trường mầm non
91	Trường MN Lê Thiện	Phường An Phong	Công lập	Trường mầm non
92	Trường MN Bạch Đằng	Phường Bắc An Phụ	Công lập	Trường mầm non
93	Trường MN Lê Ninh	Phường Bắc An Phụ	Công lập	Trường mầm non
94	Trường MN Thất Hùng	Phường Bắc An Phụ	Công lập	Trường mầm non
95	Lớp MNĐL Ánh Dương 1	Phường Bạch Đằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
96	Trường MN Gia Đức	Phường Bạch Đằng	Công lập	Trường mầm non
97	Trường MN Gia Minh	Phường Bạch Đằng	Công lập	Trường mầm non
98	Trường MN Minh Đức	Phường Bạch Đằng	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
99	Trường MN Minh Tân	Phường Bạch Đằng	Công lập	Trường mầm non
100	Trường MN Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng	Công lập	Trường mầm non
101	Trường MN Nhiệt Điện Hải Phòng	Phường Bạch Đằng	Tư thực	Trường mầm non
102	Trường MN Cổ Thành	Phường Chí Linh	Công lập	Trường mầm non
103	Trường MN Nhân Huệ	Phường Chí Linh	Công lập	Trường mầm non
104	Trường MN Phả Lại	Phường Chí Linh	Công lập	Trường mầm non
105	Trường MN Sơn Ca	Phường Chí Linh	Tư thực	Trường mầm non
106	Lớp MNĐL BiBi	Phường Chu Văn An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
107	Lớp MNĐL BiBi 2	Phường Chu Văn An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
108	Lớp MNĐL Hướng Dương	Phường Chu Văn An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
109	Lớp MNĐL Sơn Ca Sao Đỏ	Phường Chu Văn An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
110	Lớp MNĐL Vietstar	Phường Chu Văn An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
111	Trường MN Chí Minh	Phường Chu Văn An	Công lập	Trường mầm non
112	Trường MN Fairy	Phường Chu Văn An	Tư thực	Trường mầm non
113	Trường MN Nam Chính	Phường Chu Văn An	Tư thực	Trường mầm non
114	Trường MN Olympia	Phường Chu Văn An	Tư thực	Trường mầm non
115	Trường MN Sao Đỏ	Phường Chu Văn An	Công lập	Trường mầm non
116	Trường MN Thái Học	Phường Chu Văn An	Công lập	Trường mầm non
117	Trường MN Thảo Nguyên	Phường Chu Văn An	Tư thực	Trường mầm non
118	Trường MN Tuấn Việt	Phường Chu Văn An	Tư thực	Trường mầm non
119	Trường MN Văn An	Phường Chu Văn An	Công lập	Trường mầm non
120	Trường MN Hải Sơn	Phường Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
121	Trường MN Ngọc Xuyên	Phường Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
122	Trường MN Quận	Phường Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
123	Trường MN Vạn Hương	Phường Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
124	Lớp MGĐL An Bình	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
125	Lớp MNĐL Bách Việt	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
126	Lớp MNĐL Bam Bi 2	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
127	Lớp MNĐL Bảo Trâm	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
128	Lớp MNĐL Hạnh Phúc	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
129	Lớp MNĐL Hoa Thủy Tiên	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
130	Lớp MNĐL Hương Dương	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
131	Lớp MNĐL Huy Hoàng	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
132	Lớp MNĐL Lãnh đạo tài năng	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
133	Lớp MNĐL Mai Trang	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
134	Lớp MNĐL My An	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
135	Lớp MNĐL Phước Phương Anh	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
136	Lớp MNĐL Tâm Phúc	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
137	Lớp MNĐL Ước Mơ Xanh	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
138	Lớp MNĐL Ươm Mầm Xanh	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
139	Lớp MNĐL Vàng Anh	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
140	Lớp MNĐL Vương Quốc Trẻ Thơ	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
141	Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐL Linh Ngọc	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
142	Nhóm trẻ, lớp MGĐL Họa Mi	Phường Đông Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
143	Trường MG SOS	Phường Đông Hải	Tư thực	Trường mẫu giáo
144	Trường MN An Dương	Phường Đông Hải	Tư thực	Trường mầm non
145	Trường MN Big Sun	Phường Đông Hải	Tư thực	Trường mầm non
146	Trường MN Đông Hải 1	Phường Đông Hải	Công lập	Trường mầm non
147	Trường MN Đông Hải 2	Phường Đông Hải	Công lập	Trường mầm non
148	Trường MN Kim Long	Phường Đông Hải	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
149	Trường MN Nam Hải	Phường Đông Hải	Công lập	Trường mầm non
150	Lớp MNĐL Búp Măng Non	Phường Dương Kinh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
151	Lớp MNĐL Đỉnh Vàng	Phường Dương Kinh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
152	Trường MN Hải Thành	Phường Dương Kinh	Công lập	Trường mầm non
153	Trường MN Hòa Nghĩa	Phường Dương Kinh	Công lập	Trường mầm non
154	Trường MN Tân Thành	Phường Dương Kinh	Công lập	Trường mầm non
155	Lớp MGĐL Những Em Bé Hạnh Phúc	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
156	Lớp MNĐL 1-5	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
157	Lớp MNĐL Baby Home	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
158	Lớp MNĐL Bình Minh	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
159	Lớp MNĐL Cầu Vồng	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
160	Lớp MNĐL Hoa Mai	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
161	Lớp MNĐL Hoa Sen	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
162	Lớp MNĐL Hoa Việt	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
163	Lớp MNĐL Hưng Anh	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
164	Lớp MNĐL Mặt Trời Nhỏ	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
165	Lớp MNĐL Minh Nhi	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
166	Lớp MNĐL Minh Tâm	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
167	Lớp MNĐL Ngôi Sao Nhỏ	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
168	Lớp MNĐL Sao Vàng	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
169	Lớp MNĐL Sơn Ca	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
170	Lớp MNĐL Thùy Dương	Phường Gia Viên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
171	Trường MN 20-10	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
172	Trường MN Bé Gấu MBC	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
173	Trường MN Hoa Anh Đào	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
174	Trường MN Hoa Đào	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
175	Trường MN Ngọc Bích 2	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
176	Trường MN Những Đứa Trẻ Vui Vẻ	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
177	Trường MN Sao Biển	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
178	Trường MN Sao Sáng 2	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
179	Trường MN Sao Sáng 4	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
180	Trường MN Sao Sáng 5	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
181	Trường MN Sao Sáng 7	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
182	Trường MN Sao Sáng 8	Phường Gia Viên	Công lập	Trường mầm non
183	Trường MN Thực Nghiệm AMV	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
184	Trường MN Tương Lai	Phường Gia Viên	Tư thực	Trường mầm non
185	Lớp MGĐL Hải Quân	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
186	Lớp MGĐL Hello Baby	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
187	Lớp MGĐL Sen Vàng	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
188	Lớp MGĐL Sơn Ca	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
189	Lớp MGĐL Thực Nghiệm	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
190	Lớp MN Hoa Mặt Trời	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
191	Lớp MNĐL Diệp Linh	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
192	Lớp MNĐL Gấu Trúc	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
193	Lớp MNĐL Happykids	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
194	Lớp MNĐL Happykids Plus	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
195	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
196	Lớp MNĐL Hoa Sen	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
197	Lớp MNĐL Hoa Trạng Nguyên	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
198	Lớp MNĐL Khai Tâm	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
199	Lớp MNĐL Linh Trang 2	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
200	Lớp MNĐL Mặt Trời Bé Thơ	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
201	Lớp MNĐL Mặt Trời Nhỏ	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
202	Lớp MNĐL Minh Anh	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
203	Lớp MNĐL Minh Nguyệt	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
204	Lớp MNĐL Ngọc Châu	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
205	Lớp MNĐL Ngôi Nhà Hạnh Phúc	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
206	Lớp MNĐL Nhật An	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
207	Lớp MNĐL Nhí	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
208	Lớp MNĐL Sao Mai	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
209	Lớp MNĐL Thần Đồng Nhí	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
210	Lớp MNĐL Thần Tiên	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
211	Lớp MNĐL Thánh Gióng	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
212	Lớp MNĐL Thánh Gióng 2	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
213	Lớp MNĐL Thỏ Ngọc	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
214	Lớp MNĐL Ươm Mầm Xanh 2	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
215	Lớp MNĐL Viet Kids	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
216	Lớp MNĐL Vườn Cổ Tích	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
217	Lớp MNĐL Vương quốc trẻ thơ 2	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
218	Lớp MNĐL Xuân An	Phường Hải An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
219	Nhóm trẻ ĐL Táo Đỏ	Phường Hải An	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
220	Trường MN Ánh Dương	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
221	Trường MN Bảo Châu	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
222	Trường MN Búp Sen Xanh	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
223	Trường MN Cát Bi	Phường Hải An	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
224	Trường MN Đăng Hải	Phường Hải An	Công lập	Trường mầm non
225	Trường MN Đăng Lâm	Phường Hải An	Công lập	Trường mầm non
226	Trường MN Hải Đăng Xanh	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
227	Trường MN Hoa Ngọc Lan	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
228	Trường MN Mickey	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
229	Trường MN Sao Mai	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
230	Trường MN Sao Việt	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
231	Trường MN Sao Việt 2	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
232	Trường MN Sao Việt 3	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
233	Trường MN Sao Việt 6	Phường Hải An	Tư thực	Trường mầm non
234	Trường MN Thành Tô	Phường Hải An	Công lập	Trường mầm non
235	Trường MN Tràng Cát	Phường Hải An	Công lập	Trường mầm non
236	Lớp MNĐL Bé Tài Năng	Phường Hải Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
237	Lớp MNĐL Bông Hoa Nhỏ	Phường Hải Dương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
238	Trường MN Hoa Hướng Dương	Phường Hải Dương	Tư thực	Trường mầm non
239	Trường MN Hoa Sữa	Phường Hải Dương	Tư thực	Trường mầm non
240	Trường MN Ngọc Châu	Phường Hải Dương	Công lập	Trường mầm non
241	Trường MN Ngôi Sao Tuổi Thơ	Phường Hải Dương	Tư thực	Trường mầm non
242	Trường MN Nhị Châu	Phường Hải Dương	Công lập	Trường mầm non
243	Trường MN Quang Trung	Phường Hải Dương	Công lập	Trường mầm non
244	Trường MN Trần Hưng Đạo	Phường Hải Dương	Công lập	Trường mầm non
245	Lớp MNĐL Bam Bi	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
246	Lớp MNĐL Bình Minh	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
247	Lớp MNĐL Hạt Dẻ Cười	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
248	Lớp MNĐL Hoa Mặt Trời	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
249	Lớp MNĐL Kitty	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
250	Lớp MNĐL Phương Nam	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
251	Lớp MNĐL Sen Hồng 2	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
252	Lớp MNĐL Thiên Thần Nhỏ	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
253	Lớp MNĐL Thỏ Ngọc	Phường Hòa Bình	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
254	Trường MN An Lư	Phường Hòa Bình	Công lập	Trường mầm non
255	Trường MN Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Công lập	Trường mầm non
256	Trường MN Thủy Triều	Phường Hòa Bình	Công lập	Trường mầm non
257	Trường MN Trung Hà	Phường Hòa Bình	Công lập	Trường mầm non
258	Lớp MNĐL Ánh Mai	Phường Hồng An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
259	Lớp MNĐL Bé Yêu	Phường Hồng An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
260	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Phường Hồng An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
261	Lớp MNĐL Ngôi Sao Việt	Phường Hồng An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
262	Lớp MNĐL Sao Mai	Phường Hồng An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
263	Nhóm trẻ ĐL Sao Sáng	Phường Hồng An	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
264	Trường MN An Hồng	Phường Hồng An	Công lập	Trường mầm non
265	Trường MN An Hưng	Phường Hồng An	Công lập	Trường mầm non
266	Trường MN Đại Bản	Phường Hồng An	Công lập	Trường mầm non
267	Trường MN Quán Toan	Phường Hồng An	Công lập	Trường mầm non
268	Trường MN Sao Sáng	Phường Hồng An	Tư thực	Trường mầm non
269	Trường MN Sao Việt 8	Phường Hồng An	Tư thực	Trường mầm non
270	Trường MN Sơn Ca	Phường Hồng An	Công lập	Trường mầm non
271	Lớp MGĐL Hoa Mai Vàng	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
272	Lớp MNĐL Ánh Sao	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
273	Lớp MNĐL Ban Mai	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
274	Lớp MNĐL Bé yêu	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
275	Lớp MNĐL Bibi	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
276	Lớp MNĐL Bông Sen	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
277	Lớp MNĐL Hạnh phúc	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
278	Lớp MNĐL Họa Mi Vàng	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
279	Lớp MNĐL Khai Trí	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
280	Lớp MNĐL Ngọc Hà	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
281	Lớp MNĐL Ngôi nhà của bé	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
282	Lớp MNĐL Ngôi nhà hạnh phúc	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
283	Lớp MNĐL Ngôi Nhà Ong Xanh	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
284	Lớp MNĐL Nụ Cười Hạnh Phúc	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
285	Lớp MNĐL Phương Hà	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
286	Lớp MNĐL Thánh Gióng	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
287	Lớp MNĐL Thiên Thần Nhỏ	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
288	Lớp MNĐL Tương Lai	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
289	Lớp MNĐL Việt Mỹ	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
290	Lớp MNĐL Việt Ý	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
291	Nhóm trẻ ĐL Tuổi Thần Tiên	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
292	Trường MN Ánh Dương	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Trường mầm non
293	Trường MN Bạch Đằng	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
294	Trường MN Đờ Rê Mi	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Trường mầm non
295	Trường MN Hạ Lý	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
296	Trường MN Hoàng Văn Thụ	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
297	Trường MN Hùng Vương	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
298	Trường MN Hữu Nghị	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
299	Trường MN Minh Khai	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
300	Trường MN Ngân Hà	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Trường mầm non
301	Trường MN Phan Bội Châu	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
302	Trường MN Sở Dầu	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
303	Trường MN Thượng Lý	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
304	Trường MN Trại Chuối	Phường Hồng Bàng	Công lập	Trường mầm non
305	Trường MN Vinschool Imperia HP	Phường Hồng Bàng	Tư thực	Trường mầm non
306	Lớp MGĐL Măng Non	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
307	Lớp MNĐL Họa Mi 1	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
308	Lớp MNĐL Lá Mây	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
309	Lớp MNĐL Minh Bách	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
310	Lớp MNĐL Sao Đỏ 1	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
311	Lớp MNĐL Vườn Đóm	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
312	Nhóm trẻ ĐL Mầm Xanh	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
313	Nhóm trẻ ĐL Vườn Tuổi Thơ	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
314	Trường MN Anh Dũng	Phường Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
315	Trường MN Đa Phúc	Phường Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
316	Trường MN Đôrêmon	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Trường mầm non
317	Trường MN Hà Linh	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Trường mầm non
318	Trường MN Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
319	Trường MN Ngôi nhà HuGo	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Trường mầm non
320	Trường MN Sakura	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Trường mầm non
321	Trường MN Sao Mai	Phường Hưng Đạo	Tư thực	Trường mầm non
322	Lớp MGĐL Hoàng Ngọc	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
323	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
324	Lớp MNĐL Baby Garden	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
325	Lớp MNĐL Baby Sun	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
326	Lớp MNĐL Cầu Vòng	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
327	Lớp MNĐL Full House	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
328	Lớp MNĐL Hải Đăng	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
329	Lớp MNĐL Hòa Bình	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
330	Lớp MNĐL Hòa Bình Xanh	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
331	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
332	Lớp MNĐL Hoa Lan - Bắc Sơn	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
333	Lớp MNĐL Hoa Lan - Lãm Hà	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
334	Lớp MNĐL Hoa Sen	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
335	Lớp MNĐL Hoàng Anh	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
336	Lớp MNĐL Kitty	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
337	Lớp MNĐL Lá Phong Đỏ	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
338	Lớp MNĐL Mickey	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
339	Lớp MNĐL Ngọc Diệp	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
340	Lớp MNĐL Nhân Đức	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
341	Lớp MNĐL Phương Thanh	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
342	Lớp MNĐL Sao Mai	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
343	Lớp MNĐL Sơn Ca	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
344	Lớp MNĐL Sunrise	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
345	Lớp MNĐL Trinh Lãm Hà	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
346	Lớp MNĐL Vàng Anh	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
347	Lớp MNĐL Vietkids	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
348	Lớp MNĐL Vietkids 2	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
349	Lớp MNĐL Vietkids 3	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
350	Lớp MNĐL Yến Chi	Phường Kiến An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
351	Trường MN Bắc Sơn	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
352	Trường MN Đồng Hòa	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
353	Trường MN Hương Sen	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
354	Trường MN Nam Hà	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
355	Trường MN Nhi Đức	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
356	Trường MN Quán Trữ	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
357	Trường MN Trần Thành Ngọ	Phường Kiến An	Công lập	Trường mầm non
358	Lớp MNĐL Bầu Trời xanh	Phường Kinh Môn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
359	Lớp MNĐL Hoa Lan	Phường Kinh Môn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
360	Lớp MNĐL Mặt trăng tuổi thơ	Phường Kinh Môn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
361	Trường MN An Lưu	Phường Kinh Môn	Công lập	Trường mầm non
362	Trường MN Hiệp An	Phường Kinh Môn	Công lập	Trường mầm non
363	Trường MN Long Xuyên	Phường Kinh Môn	Công lập	Trường mầm non
364	Lớp MNĐL An Hòa	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
365	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
366	Lớp MNĐL Ban Mai	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
367	Lớp MNĐL Búp Măng Non	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
368	Lớp MNĐL Gấu Trúc	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
369	Lớp MNĐL Hugo	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
370	Lớp MNĐL Khu Vườn Nhỏ	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
371	Lớp MNĐL Mặt Trăng Nhỏ	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
372	Lớp MNĐL Mặt trời nhỏ	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
373	Lớp MNĐL Ngọc Diệp	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
374	Lớp MNĐL Ngôi nhà Gấu Trúc	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
375	Lớp MNĐL Ngôi nhà ong xinh	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
376	Lớp MNĐL Nụ cười hạnh phúc	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
377	Lớp MNĐL Ong Vàng Hạnh Phúc	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
378	Lớp MNĐL Sao Mai	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
379	Lớp MNĐL Thanh Bình	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
380	Lớp MNĐL Vi Vi	Phường Lê Chân	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
381	Trường MG Kim Đồng I	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mẫu giáo
382	Trường MG Kim Đồng IV	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mẫu giáo
383	Trường MN Ban Mai	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
384	Trường MN Đồng Tâm	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
385	Trường MN Dư Hàng Kênh	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
386	Trường MN Hải Hà	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
387	Trường MN Hoa Lan	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
388	Trường MN Họa Mi	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
389	Trường MN Kênh Dương	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
390	Trường MN Kim Đồng III	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
391	Trường MN Kitty	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
392	Trường MN Minakids	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
393	Trường MN Minh Phương 2	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
394	Trường MN Misa	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
395	Trường MN Ngôi Nhà Hạnh Phúc	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
396	Trường MN Ngôi Sao Hải Phòng	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
397	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Phường Lê Chân	Công lập	Trường mầm non
398	Trường MN Nhi	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
399	Trường MN Thế Giới Nhỏ Xinh	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
400	Trường MN Thiên Thần	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
401	Trường MN Thỏ Ngọc	Phường Lê Chân	Tư thực	Trường mầm non
402	Lớp MNĐL Mặt Trời Của Mẹ	Phường Lê Đại Hành	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
403	Trường MN An Lạc	Phường Lê Đại Hành	Công lập	Trường mầm non
404	Trường MN Đồng Lạc	Phường Lê Đại Hành	Công lập	Trường mầm non
405	Trường MN Tân Dân	Phường Lê Đại Hành	Công lập	Trường mầm non
406	Lớp MNĐL Ban Mai	Phường Lê Ích Mộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
407	Lớp MNĐL Sao Sáng	Phường Lê Ích Mộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
408	Lớp MNĐL Sen Hồng 1	Phường Lê Ích Mộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
409	Trường MN Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc	Công lập	Trường mầm non
410	Trường MN Cao Nhân	Phường Lê Ích Mộc	Công lập	Trường mầm non
411	Trường MN Chính Mỹ	Phường Lê Ích Mộc	Công lập	Trường mầm non
412	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	Phường Lê Ích Mộc	Tư thực	Trường mầm non
413	Trường MN Mỹ Đồng	Phường Lê Ích Mộc	Công lập	Trường mầm non
414	Trường MN Quảng Thanh	Phường Lê Ích Mộc	Công lập	Trường mầm non
415	Lớp MNĐL Bống Bang	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
416	Lớp MNĐL Cánh Diều Xanh	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
417	Lớp MNĐL Học Viện Hoàng Tử	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
418	Lớp MNĐL Ngôi nhà của bé	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
419	Lớp MNĐL Ngôi nhà trẻ thơ	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
420	Lớp MNĐL Ngôi sao Tuổi thơ	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
421	Lớp MNĐL Tâm An	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
422	Lớp MNĐL Tâm An 2	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
423	Lớp MNĐL Thanh Xuân	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
424	Lớp MNĐL Trẻ Sáng Tạo	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
425	Lớp MNĐL Tuệ Minh	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
426	Nhóm trẻ ĐL Bình Lộc	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
427	Trường MN Ban Mai Xanh	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
428	Trường MN Bình Minh	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
429	Trường MN Búp Sen Hồng	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
430	Trường MN Hoa Anh Đào	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
431	Trường MN Hoa Linh	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
432	Trường MN Họa Mi	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
433	Trường MN Hoa Sứ	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
434	Trường MN Hoa Thủy Tiên	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
435	Trường MN Lê Thanh Nghị	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
436	Trường MN Sao Biển	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
437	Trường MN Song Hương	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
438	Trường MN Tài Năng Việt	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
439	Trường MN Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
440	Trường MN Thanh Bình	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
441	Trường MN Thực hành Hoa Sen	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
442	Trường MN Trần Phú	Phường Lê Thanh Nghị	Công lập	Trường mầm non
443	Trường MN-TH Amanaki	Phường Lê Thanh Nghị	Tư thực	Trường mầm non
444	Trường MN Đông Sơn	Phường Lưu Kiếm	Công lập	Trường mầm non
445	Trường MN Kênh Giang	Phường Lưu Kiếm	Công lập	Trường mầm non
446	Trường MN Liên Khê	Phường Lưu Kiếm	Công lập	Trường mầm non
447	Trường MN Lưu Kiếm	Phường Lưu Kiếm	Công lập	Trường mầm non
448	Trường MN Lưu Kỳ	Phường Lưu Kiếm	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
449	Trường MN Bàn La	Phường Nam Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
450	Trường MN Bảo Châu	Phường Nam Đồ Sơn	Tư thực	Trường mầm non
451	Trường MN Hợp Đức	Phường Nam Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
452	Trường MN Minh Đức	Phường Nam Đồ Sơn	Công lập	Trường mầm non
453	Nhóm trẻ ĐL Hoa Hướng Dương	Phường Nam Đồng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
454	Trường MN Nam Đồng	Phường Nam Đồng	Công lập	Trường mầm non
455	Trường MN Tiền Tiến	Phường Nam Đồng	Công lập	Trường mầm non
456	Trường MN Lập Lễ	Phường Nam Triệu	Công lập	Trường mầm non
457	Trường MN Nam Triệu	Phường Nam Triệu	Tư thực	Trường mầm non
458	Trường MN Phả Lễ	Phường Nam Triệu	Công lập	Trường mầm non
459	Trường MN Phục Lễ	Phường Nam Triệu	Công lập	Trường mầm non
460	Trường MN Tam Hưng	Phường Nam Triệu	Công lập	Trường mầm non
461	Lớp MNĐL Bảo Linh	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
462	Lớp MNĐL Bầu Trời Xanh	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
463	Lớp MNĐL ĐỒ RÊ MI	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
464	Lớp MNĐL Duy Đức	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
465	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
466	Lớp MNĐL HUGO	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
467	Lớp MNĐL Linh Châu	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
468	Lớp MNĐL Mặt Trời Cửa Bé	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
469	Lớp MNĐL Mùa Xuân	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
470	Lớp MNĐL Ngôi Nhà Bé Thơ	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
471	Lớp MNĐL San Hô	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
472	Lớp MNĐL Sao Sáng	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
473	Lớp MNĐL Tuệ An	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
474	Trường MN 8-3	Phường Ngô Quyền	Công lập	Trường mầm non
475	Trường MN Ánh Dương	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
476	Trường MN Bi Bi	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
477	Trường MN Hạ Long	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
478	Trường MN Hải Viên	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
479	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
480	Trường MN Mầm Nhỏ	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
481	Trường MN Nắng Mai	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
482	Trường MN Sao Sáng 1	Phường Ngô Quyền	Công lập	Trường mầm non
483	Trường MN Sao Sáng 3	Phường Ngô Quyền	Công lập	Trường mầm non
484	Trường MN Sao Sáng 6	Phường Ngô Quyền	Công lập	Trường mầm non
485	Trường MN Sơn Ca 1	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
486	Trường MN Tuổi Thơ	Phường Ngô Quyền	Tư thực	Trường mầm non
487	Lớp MNĐL Phúc Ân	Phường Nguyễn Đại Nãi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
488	Nhóm trẻ ĐL Cô Nguyệt	Phường Nguyễn Đại Nãi	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
489	Nhóm trẻ ĐL Cô Thơ	Phường Nguyễn Đại Nãi	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
490	Trường MN Hiến Thành	Phường Nguyễn Đại Nãi	Công lập	Trường mầm non
491	Trường MN Minh Hòa	Phường Nguyễn Đại Nãi	Công lập	Trường mầm non
492	Trường MN Thái Thịnh	Phường Nguyễn Đại Nãi	Công lập	Trường mầm non
493	Trường MN Bắc An	Phường Nguyễn Trãi	Công lập	Trường mầm non
494	Trường MN Bến Tắm	Phường Nguyễn Trãi	Công lập	Trường mầm non
495	Trường MN Hoa Thám	Phường Nguyễn Trãi	Công lập	Trường mầm non
496	Lớp MNĐL Hiếu Dung	Phường Nhị Chiểu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
497	Lớp MNĐL Tuổi Thơ	Phường Nhị Chiểu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
498	Lớp MNĐL Vân Anh	Phường Nhị Chiểu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
499	Nhóm trẻ ĐL Kim Dung	Phường Nhị Chiểu	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
500	Trường MN Duy Tân	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
501	Trường MN Hoa Sen	Phường Nhị Chiểu	Tư thực	Trường mầm non
502	Trường MN Hoàn Sơn	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
503	Trường MN Minh Tân	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
504	Trường MN Phú Thứ	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
505	Trường MN Tân Dân	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
506	Trường MN Tử Lạc	Phường Nhị Chiểu	Công lập	Trường mầm non
507	Trường MN An Sinh	Phường Phạm Sư Mạnh	Công lập	Trường mầm non
508	Trường MN Hiệp Sơn	Phường Phạm Sư Mạnh	Công lập	Trường mầm non
509	Trường MN Phạm Thái	Phường Phạm Sư Mạnh	Công lập	Trường mầm non
510	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
511	Lớp MNĐL Bình Minh	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
512	Lớp MNĐL Đồ Rê Mí	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
513	Lớp MNĐL Đôrêmon	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
514	Lớp MNĐL Happy star	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
515	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương - Phù Liễn	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
516	Lớp MNĐL Hoa Thủy Tiên	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
517	Lớp MNĐL Ngọc Nam	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
518	Lớp MNĐL Ngôi Nhà Hạnh Phúc	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
519	Lớp MNĐL Ngôi Nhà Trẻ Thơ	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
520	Lớp MNĐL Nhân Đức	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
521	Lớp MNĐL Sao Biển	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
522	Lớp MNĐL Sơn Ca	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
523	Lớp MNĐL Thùy Dương	Phường Phù Liễn	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
524	Trường MN 1/5	Phường Phù Liễn	Tư thực	Trường mầm non
525	Trường MN Hoa Cúc	Phường Phù Liễn	Công lập	Trường mầm non
526	Trường MN Hoa Mai	Phường Phù Liễn	Công lập	Trường mầm non
527	Trường MN Hoa Phượng	Phường Phù Liễn	Công lập	Trường mầm non
528	Trường MN Hướng Dương	Phường Phù Liễn	Công lập	Trường mầm non
529	Trường MN Kids	Phường Phù Liễn	Tư thực	Trường mầm non
530	Trường MN Văn Đẩu	Phường Phù Liễn	Công lập	Trường mầm non
531	Lớp MNĐL Ánh Sáng	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
532	Lớp MNĐL Bi Bi	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
533	Lớp MNĐL Hoa Ti Gôn	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
534	Lớp MNĐL Măng non	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
535	Lớp MNĐL Ngọc Hà	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
536	Lớp MNĐL Nụ Cười Hạnh Phúc	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
537	Lớp MNĐL Quốc Tế Việt- Úc	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
538	Lớp MNĐL Thân Thiện	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
539	Lớp MNĐL Thiên Nhiên UNO	Phường Tân Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
540	Nhóm trẻ ĐL Cánh Diều	Phường Tân Hưng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
541	Nhóm trẻ ĐL Kim Ngân	Phường Tân Hưng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
542	Trường MN Đức Ngọc	Phường Tân Hưng	Tư thực	Trường mầm non
543	Trường MN Hải Tân	Phường Tân Hưng	Công lập	Trường mầm non
544	Trường MN Ngọc Sơn	Phường Tân Hưng	Công lập	Trường mầm non
545	Trường MN Quốc tế Số 1	Phường Tân Hưng	Tư thực	Trường mầm non
546	Trường MN Sao Mai	Phường Tân Hưng	Tư thực	Trường mầm non
547	Trường MN Tân Hưng	Phường Tân Hưng	Công lập	Trường mầm non
548	Trường MN Tuổi Thần Tiên	Phường Tân Hưng	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
549	Trường MN Tuổi Thơ	Phường Tân Hưng	Tư thực	Trường mầm non
550	lớp MN ĐL Bình Minh	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
551	lớp MN ĐL Sen Việt	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
552	lớp MN ĐL ShintBVT	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
553	Lớp MN ĐL Su Su	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
554	lớp MNĐL Ngôi Sao Nhí	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
555	Nhóm trẻ ĐL An Phong	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
556	Trường MN Gia Xuyên	Phường Thạch Khôi	Công lập	Trường mầm non
557	Trường MN Liên Hồng	Phường Thạch Khôi	Công lập	Trường mầm non
558	Trường MN Thạch Khôi	Phường Thạch Khôi	Công lập	Trường mầm non
559	Trường MN Tuệ Tĩnh (CS2)	Phường Thạch Khôi	Tư thực	Trường mầm non
560	Lớp MNĐL ĐôRêMon 1	Phường Thành Đông	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
561	Lớp MNĐL ĐôRêMon 2	Phường Thành Đông	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
562	Lớp MNĐL Ngôi Sao Xanh	Phường Thành Đông	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
563	Lớp MNĐL Tuổi Hoa	Phường Thành Đông	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
564	Trường MN An Thượng	Phường Thành Đông	Công lập	Trường mầm non
565	Trường MN Bình Hàn	Phường Thành Đông	Công lập	Trường mầm non
566	Trường MN Bống Bống Bang Bang	Phường Thành Đông	Tư thực	Trường mầm non
567	Trường MN Cẩm Thượng	Phường Thành Đông	Công lập	Trường mầm non
568	Trường MN Khu Rừng Nhỏ	Phường Thành Đông	Tư thực	Trường mầm non
569	Trường MN Nguyễn Trãi	Phường Thành Đông	Công lập	Trường mầm non
570	Trường MN Thiên Thần	Phường Thành Đông	Tư thực	Trường mầm non
571	Trường MN Tuệ Tĩnh	Phường Thành Đông	Tư thực	Trường mầm non
572	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
573	Lớp MNĐL Bông Mai	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
574	Lớp MNĐL Hương Dương	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
575	Lớp MNĐL Nhà Momo	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
576	Lớp MNĐL Thiên Thanh	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
577	Lớp MNĐL Tuổi Thần Tiên	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
578	Trường MN Hoàng Động	Phường Thiên Hương	Công lập	Trường mầm non
579	Trường MN Kiên Bái	Phường Thiên Hương	Công lập	Trường mầm non
580	Trường MN Lâm Động	Phường Thiên Hương	Công lập	Trường mầm non
581	Trường MN Thiên Hương	Phường Thiên Hương	Công lập	Trường mầm non
582	Trường MNĐL ChaiEn	Phường Thiên Hương	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
583	Lớp MNĐL Baby Family	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
584	Lớp MNĐL Đô Rê Mon	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
585	Lớp MNĐL Future House	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
586	Lớp MNĐL Hoạ Mi	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
587	Lớp MNĐL Hồng Ân	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
588	Lớp MNĐL Hương Giang	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
589	Lớp MNĐL Mặt trời bé thơ	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
590	Lớp MNĐL Minh Ngọc	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
591	Lớp MNĐL PEA	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
592	Lớp MNĐL Tuổi Hồng	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
593	Trường MN Baby House	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Trường mầm non
594	Trường MN Dương Quan	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non
595	Trường MN Hoa Động	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non
596	Trường MN Sao Mai	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non
597	Trường MN Tân Dương	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non
598	Trường MN Thủy Đường	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
599	Trường MN Thủy Sơn	Phường Thủy Nguyên	Công lập	Trường mầm non
600	Trường MN Tuổi Thơ Xanh I	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Trường mầm non
601	Trường MN Việt Úc 1	Phường Thủy Nguyên	Tư thực	Trường mầm non
602	Lớp MNĐL Bé Yêu	Phường Trần Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
603	Lớp MNĐL Duyên Nhi	Phường Trần Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
604	Lớp MNĐL Họa Mi	Phường Trần Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
605	Lớp MNĐL Tuổi Thơ	Phường Trần Hưng Đạo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
606	Trường MN Cộng Hòa	Phường Trần Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
607	Trường MN Hưng Đạo	Phường Trần Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
608	Trường MN Lê Lợi	Phường Trần Hưng Đạo	Công lập	Trường mầm non
609	Trường MN An Phụ	Phường Trần Liễu	Công lập	Trường mầm non
610	Trường MN Hiệp Hòa	Phường Trần Liễu	Công lập	Trường mầm non
611	Trường MN Thượng Quận	Phường Trần Liễu	Công lập	Trường mầm non
612	Trường MN Hoàng Tân	Phường Trần Nhân Tông	Công lập	Trường mầm non
613	Trường MN Hoàng Tiến	Phường Trần Nhân Tông	Công lập	Trường mầm non
614	Trường MN Văn Đức	Phường Trần Nhân Tông	Công lập	Trường mầm non
615	Lớp MNĐL An Việt	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
616	Lớp MNĐL Ánh Dương	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
617	Lớp MNĐL Mai Linh	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
618	Lớp MNĐL Ngôi Sao Tuổi Thơ	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
619	Lớp MNĐL PanDa	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
620	Lớp MNĐL Tâm Việt	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
621	Lớp MNĐL Tô Hiệu	Phường Tứ Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
622	Trường MN Cẩm Đoài	Phường Tứ Minh	Công lập	Trường mầm non
623	Trường MN Hoa Thủy Tiên	Phường Tứ Minh	Tư thực	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
624	Trường MN Nguyễn Gia Long	Phường Tứ Minh	Tư thực	Trường mầm non
625	Trường MN Tứ Minh	Phường Tứ Minh	Công lập	Trường mầm non
626	Lớp MNĐL Ban Mai	Phường Việt Hòa	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
627	Lớp MNĐL Bống Bo	Phường Việt Hòa	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
628	Lớp MNĐL Kids World	Phường Việt Hòa	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
629	Lớp MNĐL San Hồ	Phường Việt Hòa	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
630	Lớp MNĐL Tuổi Thơ	Phường Việt Hòa	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
631	Nhóm trẻ ĐL Sao Mai	Phường Việt Hòa	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
632	Trường MN Cao An	Phường Việt Hòa	Công lập	Trường mầm non
633	Trường MN Lai Cách	Phường Việt Hòa	Công lập	Trường mầm non
634	Trường MN Việt Hòa	Phường Việt Hòa	Công lập	Trường mầm non
635	Lớp MNĐL Búp Măng Non	Xã An Hưng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
636	Trường MN An Thái	Xã An Hưng	Công lập	Trường mầm non
637	Trường MN An Thọ	Xã An Hưng	Công lập	Trường mầm non
638	Trường MN Chiến Thắng	Xã An Hưng	Công lập	Trường mầm non
639	Lớp MNĐL Bảo Ngọc	Xã An Khánh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
640	Lớp MNĐL Hoa Sen	Xã An Khánh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
641	Lớp MNĐL Sao Mai	Xã An Khánh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
642	Lớp MNĐL Sơn Ca	Xã An Khánh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
643	Lớp MNĐL Tom&Jery	Xã An Khánh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
644	Trường MN Mỹ Đức	Xã An Khánh	Công lập	Trường mầm non
645	Trường MN Tân Viên	Xã An Khánh	Công lập	Trường mầm non
646	Trường MN Thái Sơn	Xã An Khánh	Công lập	Trường mầm non
647	Lớp MNĐL Bảo Ngọc	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
648	Lớp MNĐL Đồ Rê Mí	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
649	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
650	Lớp MNĐL Hướng Dương	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
651	Lớp MNĐL Hương Sen	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
652	Lớp MNĐL Sao Mai Home	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
653	Lớp MNĐL Sao Mai Home 1	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
654	Lớp MNĐL Sao Mai Tân Dân	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
655	Lớp MNĐL Sóc Nâu	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
656	Lớp MNĐL Sơn Ca	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
657	Lớp MNĐL Tương Lai Xanh	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
658	Lớp MNĐL Xuân Lâm	Xã An Lão	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
659	Trường MN An Thắng	Xã An Lão	Công lập	Trường mầm non
660	Trường MN An Tiến	Xã An Lão	Công lập	Trường mầm non
661	Trường MN Sao Sáng	Xã An Lão	Công lập	Trường mầm non
662	Trường MN Tân Dân	Xã An Lão	Công lập	Trường mầm non
663	Trường MN Trường Sơn	Xã An Lão	Công lập	Trường mầm non
664	Lớp MNĐL San Hồ	Xã An Phú	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
665	Trường MN An Bình	Xã An Phú	Công lập	Trường mầm non
666	Trường MN An Lâm	Xã An Phú	Công lập	Trường mầm non
667	Trường MN Cộng Hòa	Xã An Phú	Công lập	Trường mầm non
668	Trường MN Phú Điền	Xã An Phú	Công lập	Trường mầm non
669	Lớp MNĐL Họa My	Xã An Quang	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
670	Lớp MNĐL Kitty	Xã An Quang	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
671	Lớp MNĐL Kitty 2	Xã An Quang	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
672	Lớp MNĐL Phúc Sinh	Xã An Quang	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
673	Trường MN Quang Hưng	Xã An Quang	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
674	Trường MN Quang Trung	Xã An Quang	Công lập	Trường mầm non
675	Trường MN Quốc Tuấn	Xã An Quang	Công lập	Trường mầm non
676	Trường MN Kim Đính	Xã An Thành	Công lập	Trường mầm non
677	Trường MN Kim Tân	Xã An Thành	Công lập	Trường mầm non
678	Trường MN Ngũ Phúc	Xã An Thành	Công lập	Trường mầm non
679	Trường MN Bát Trang	Xã An Trường	Công lập	Trường mầm non
680	Trường MN Trường Thành	Xã An Trường	Công lập	Trường mầm non
681	Trường MN Trường Thọ	Xã An Trường	Công lập	Trường mầm non
682	Trường MN Hồng Quang	Xã Bắc Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
683	Trường MN Lam Sơn	Xã Bắc Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
684	Trường MN Lê Hồng	Xã Bắc Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
685	Trường MN Cổ Bi	Xã Bình Giang	Công lập	Trường mầm non
686	Trường MN Hoa Thủy Tiên	Xã Bình Giang	Tư thực	Trường mầm non
687	Trường MN Hồng Khê	Xã Bình Giang	Công lập	Trường mầm non
688	Trường MN Long Xuyên	Xã Bình Giang	Công lập	Trường mầm non
689	Trường MN Tân Việt	Xã Bình Giang	Công lập	Trường mầm non
690	Nhóm trẻ ĐL Cát Tường Baby	Xã Cẩm Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
691	Trường MN Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	Công lập	Trường mầm non
692	Trường MN Cẩm Hoàng	Xã Cẩm Giang	Công lập	Trường mầm non
693	Trường MN Định Sơn	Xã Cẩm Giang	Công lập	Trường mầm non
694	Trường MN Thạch Lỗi	Xã Cẩm Giang	Công lập	Trường mầm non
695	Lớp MNĐL Hạnh Phúc	Xã Cẩm Giàng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
696	Trường MN Cẩm Hưng	Xã Cẩm Giàng	Công lập	Trường mầm non
697	Trường MN Lương Điền	Xã Cẩm Giàng	Công lập	Trường mầm non
698	Trường MN Ngọc Liên	Xã Cẩm Giàng	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
699	Trường MN Bắc Hưng	Xã Chấn Hưng	Công lập	Trường mầm non
700	Trường MN Đông Hưng	Xã Chấn Hưng	Công lập	Trường mầm non
701	Trường MN Nam Hưng	Xã Chấn Hưng	Công lập	Trường mầm non
702	Trường MN Tây Hưng	Xã Chấn Hưng	Công lập	Trường mầm non
703	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Na	Xã Chí Minh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
704	Trường MN An Thanh	Xã Chí Minh	Công lập	Trường mầm non
705	Trường MN Ánh Bình Minh	Xã Chí Minh	Tư thực	Trường mầm non
706	Trường MN Chí Minh I	Xã Chí Minh	Công lập	Trường mầm non
707	Trường MN Chí Minh II	Xã Chí Minh	Công lập	Trường mầm non
708	Trường MN Văn Tố	Xã Chí Minh	Công lập	Trường mầm non
709	Nhóm trẻ ĐL Cá Heo xanh	Xã Đại Sơn	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
710	Nhóm trẻ ĐL Cuộc sống Hạnh phúc	Xã Đại Sơn	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
711	Trường MN Bình Lãng	Xã Đại Sơn	Công lập	Trường mầm non
712	Trường MN Đại Sơn	Xã Đại Sơn	Công lập	Trường mầm non
713	Trường MN Hưng Đạo	Xã Đại Sơn	Công lập	Trường mầm non
714	Lớp MNĐL Cuộc sống Hạnh phúc	Xã Đường An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
715	Lớp MNĐL Hoa Trạng Nguyên	Xã Đường An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
716	Lớp MNĐL Sao Mai Xanh	Xã Đường An	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
717	Trường MN Tân Hồng	Xã Đường An	Công lập	Trường mầm non
718	Trường MN Thái Minh 1	Xã Đường An	Công lập	Trường mầm non
719	Trường MN Thái Minh 2	Xã Đường An	Công lập	Trường mầm non
720	Trường MN Thúc Kháng	Xã Đường An	Công lập	Trường mầm non
721	Lớp MNĐL Cá Heo Nhỏ	Xã Gia Lộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
722	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Xã Gia Lộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
723	Lớp MNĐL Hoa mi	Xã Gia Lộc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
724	Nhóm trẻ ĐL Thiên Thần	Xã Gia Lộc	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
725	Trường MN Gia Khánh	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
726	Trường MN Hoa Hồng	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
727	Trường MN BiBi	Xã Gia Lộc	Tư thực	Trường mầm non
728	Trường MN Gia Lương	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
729	Trường MN Gia Tân	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
730	Trường MN Phương Hưng	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
731	Trường MN Tân Tiến	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
732	Trường MN thị trấn Gia Lộc	Xã Gia Lộc	Công lập	Trường mầm non
733	Lớp MNĐL Ban Mai	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
734	Lớp MNĐL Bình Minh	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
735	Lớp MNĐL Hải Đăng	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
736	Lớp MNĐL Hoa Vy	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
737	Lớp MNĐL Mặt trời bé con 1	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
738	Lớp MNĐL Mặt trời bé con 2	Xã Gia Phúc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
739	Trường MN Đoàn Thượng	Xã Gia Phúc	Công lập	Trường mầm non
740	Trường MN Hoàng Diệu	Xã Gia Phúc	Công lập	Trường mầm non
741	Trường MN Hồng Hưng	Xã Gia Phúc	Công lập	Trường mầm non
742	Trường MN Thống Kênh	Xã Gia Phúc	Công lập	Trường mầm non
743	Trường MN Toàn Thắng	Xã Gia Phúc	Công lập	Trường mầm non
744	Lớp MNĐL Ánh Dương	Xã Hà Bắc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
745	Lớp MNĐL Happy kids	Xã Hà Bắc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
746	Lớp MNĐL Sao Mai	Xã Hà Bắc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
747	Lớp MNĐL Sơn Ca	Xã Hà Bắc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
748	Lớp MNĐL Tuổi Thơ	Xã Hà Bắc	Tư thực	Lớp mầm non độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
749	Trường MN Cẩm Chế	Xã Hà Bắc	Công lập	Trường mầm non
750	Trường MN Hồng Lạc	Xã Hà Bắc	Công lập	Trường mầm non
751	Trường MN Tân Việt	Xã Hà Bắc	Công lập	Trường mầm non
752	Trường MN Việt Hồng	Xã Hà Bắc	Công lập	Trường mầm non
753	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Nga	Xã Hà Đông	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
754	Trường MN Thanh Cường	Xã Hà Đông	Công lập	Trường mầm non
755	Trường MN Thanh Hồng	Xã Hà Đông	Công lập	Trường mầm non
756	Trường MN Thanh Quang	Xã Hà Đông	Công lập	Trường mầm non
757	Trường MN Vĩnh Lập	Xã Hà Đông	Công lập	Trường mầm non
758	Nhóm trẻ ĐL Happy Kids	Xã Hà Nam	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
759	Trường MN Liên Mạc	Xã Hà Nam	Công lập	Trường mầm non
760	Trường MN Thanh An	Xã Hà Nam	Công lập	Trường mầm non
761	Trường MN Thanh Lang	Xã Hà Nam	Công lập	Trường mầm non
762	Trường MN Thanh Xuân	Xã Hà Nam	Công lập	Trường mầm non
763	Lớp MNĐL Hướng Dương	Xã Hà Tây	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
764	Lớp MNĐL Thủy Kem	Xã Hà Tây	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
765	Nhóm trẻ ĐL JOONA	Xã Hà Tây	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
766	Trường MN An Phượng	Xã Hà Tây	Công lập	Trường mầm non
767	Trường MN Tân An	Xã Hà Tây	Công lập	Trường mầm non
768	Trường MN Thanh Hải	Xã Hà Tây	Công lập	Trường mầm non
769	Trường MN Đoàn Kết	Xã Hải Hưng	Công lập	Trường mầm non
770	Trường MN Ngô Quyền	Xã Hải Hưng	Công lập	Trường mầm non
771	Trường MN Tân Trào	Xã Hải Hưng	Công lập	Trường mầm non
772	Lớp MNĐL Sao Mai	Xã Hồng Châu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
773	Trường MN Hưng Long	Xã Hồng Châu	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
774	Trường MN Tân Quang	Xã Hồng Châu	Công lập	Trường mầm non
775	Trường MN Tân Quang II	Xã Hồng Châu	Công lập	Trường mầm non
776	Trường MN Văn Giang	Xã Hồng Châu	Công lập	Trường mầm non
777	Trường MN Văn Hội	Xã Hồng Châu	Công lập	Trường mầm non
778	Nhóm trẻ ĐL Hoa Trạng nguyên	Xã Hợp Tiến	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
779	Trường MN Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	Công lập	Trường mầm non
780	Trường MN Mạc Thị Bưởi	Xã Hợp Tiến	Công lập	Trường mầm non
781	Trường MN Nam Hưng	Xã Hợp Tiến	Công lập	Trường mầm non
782	Trường MN Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng	Công lập	Trường mầm non
783	Trường MN Vinh Quang	Xã Hùng Thắng	Công lập	Trường mầm non
784	Lớp MNĐL Bống Bang	Xã Kê Sắt	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
785	Lớp MNĐL Họa Mi	Xã Kê Sắt	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
786	Lớp MNĐL Hoa Sữa	Xã Kê Sắt	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
787	Trường MN Đa Minh	Xã Kê Sắt	Tư thực	Trường mầm non
788	Trường MN Hùng Thắng	Xã Kê Sắt	Công lập	Trường mầm non
789	Trường MN Kê Sắt	Xã Kê Sắt	Công lập	Trường mầm non
790	Trường MN Kids House Toàn Gia	Xã Kê Sắt	Tư thực	Trường mầm non
791	Trường MN Sao Mai	Xã Kê Sắt	Tư thực	Trường mầm non
792	Trường MN Vĩnh Hồng	Xã Kê Sắt	Công lập	Trường mầm non
793	Trường MN Vĩnh Hưng	Xã Kê Sắt	Công lập	Trường mầm non
794	Trường MN Đông Xuyên	Xã Khúc Thừa Dụ	Công lập	Trường mầm non
795	Trường MN Hồng Phong	Xã Khúc Thừa Dụ	Công lập	Trường mầm non
796	Trường MN Hồng Phúc	Xã Khúc Thừa Dụ	Công lập	Trường mầm non
797	Trường MN Kiến Quốc	Xã Khúc Thừa Dụ	Công lập	Trường mầm non
798	Trường MN Ninh Hải	Xã Khúc Thừa Dụ	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
799	Lớp MNĐL Hà Linh	Xã Kiến Hải	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
800	Nhóm trẻ ĐL Phương Hoa	Xã Kiến Hải	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
801	Trường MN Đại Hợp	Xã Kiến Hải	Công lập	Trường mầm non
802	Trường MN Đoàn Xá	Xã Kiến Hải	Công lập	Trường mầm non
803	Trường MN Hoa Hướng Dương	Xã Kiến Hải	Tư thực	Trường mầm non
804	Trường MN Lá Xanh	Xã Kiến Hải	Tư thực	Trường mầm non
805	Trường MN Tân Phong	Xã Kiến Hải	Công lập	Trường mầm non
806	Trường MN Tú Sơn	Xã Kiến Hải	Công lập	Trường mầm non
807	Nhóm trẻ ĐL An Thư	Xã Kiến Hưng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
808	Nhóm trẻ ĐL Mùa Xuân	Xã Kiến Hưng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
809	Trường MN Đại Hà	Xã Kiến Hưng	Công lập	Trường mầm non
810	Trường MN Ngũ Đoan	Xã Kiến Hưng	Công lập	Trường mầm non
811	Trường MN Tân Trào	Xã Kiến Hưng	Công lập	Trường mầm non
812	Trường MN Ánh Dương	Xã Kiến Minh	Tư thực	Trường mầm non
813	Trường MN Đại Đồng	Xã Kiến Minh	Công lập	Trường mầm non
814	Trường MN Đông Phương	Xã Kiến Minh	Công lập	Trường mầm non
815	Trường MN Minh Tân	Xã Kiến Minh	Công lập	Trường mầm non
816	Trường MN Ngôi Sao	Xã Kiến Minh	Tư thực	Trường mầm non
817	Trường MN Việt Úc	Xã Kiến Minh	Tư thực	Trường mầm non
818	Trường MN Hữu Bằng	Xã Kiến Thụy	Công lập	Trường mầm non
819	Trường MN Liên cơ	Xã Kiến Thụy	Công lập	Trường mầm non
820	Trường MN Thanh Sơn	Xã Kiến Thụy	Công lập	Trường mầm non
821	Trường MN Thuận Thiên	Xã Kiến Thụy	Công lập	Trường mầm non
822	Trường MN Thụy Hương	Xã Kiến Thụy	Công lập	Trường mầm non
823	Trường MN Bình Dân	Xã Kim Thành	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
824	Trường MN Đại Đức	Xã Kim Thành	Công lập	Trường mầm non
825	Trường MN Đồng Cẩm	Xã Kim Thành	Công lập	Trường mầm non
826	Trường MN Liên Hòa	Xã Kim Thành	Công lập	Trường mầm non
827	Trường MN Tam Kỳ	Xã Kim Thành	Công lập	Trường mầm non
828	Nhóm trẻ DL Đoàn Thị Lượ	Xã Lạc Phượng	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
829	Trường MN Cộng Lạc	Xã Lạc Phượng	Công lập	Trường mầm non
830	Trường MN Phượng Kỳ	Xã Lạc Phượng	Công lập	Trường mầm non
831	Trường MN Quang Trung	Xã Lạc Phượng	Công lập	Trường mầm non
832	Trường MN Tiên Động	Xã Lạc Phượng	Công lập	Trường mầm non
833	Lớp MNĐL Happy Sun	Xã Lai Khê	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
834	Trường MN Cổ Dũng	Xã Lai Khê	Công lập	Trường mầm non
835	Trường MN Cộng Hòa	Xã Lai Khê	Công lập	Trường mầm non
836	Trường MN Lai Vu	Xã Lai Khê	Công lập	Trường mầm non
837	Trường MN Thượng Vũ	Xã Lai Khê	Công lập	Trường mầm non
838	Trường MN Tuấn Việt	Xã Lai Khê	Công lập	Trường mầm non
839	Lớp MNĐL Hạnh phúc II	Xã Mao Điền	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
840	Nhà trẻ Cầu Vồng	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
841	Nhà trẻ Hoa Hương Dương	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
842	Nhà trẻ Hoa Sen	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
843	Nhà trẻ Hoa Sữa	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
844	Nhà trẻ Khánh My	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
845	Nhà trẻ Kid's House	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
846	Nhà trẻ Ngôi Sao Nhỏ	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
847	Nhà trẻ Sao Mai	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
848	Nhà trẻ Tràng Kỹ	Xã Mao Điền	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
849	Trường MN ABC	Xã Mao Điền	Tư thực	Trường mầm non
850	Trường MN Cẩm Điền	Xã Mao Điền	Công lập	Trường mầm non
851	Trường MN Cẩm Đông	Xã Mao Điền	Công lập	Trường mầm non
852	Trường MN Cẩm Phúc	Xã Mao Điền	Công lập	Trường mầm non
853	Trường MN Tân Trường	Xã Mao Điền	Công lập	Trường mầm non
854	Lớp MNĐL Hy Vọng	Xã Nam An Phụ	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
855	Lớp MNĐL Mặt Trời	Xã Nam An Phụ	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
856	Trường MN Lạc Long	Xã Nam An Phụ	Công lập	Trường mầm non
857	Trường MN Quang Thành	Xã Nam An Phụ	Công lập	Trường mầm non
858	Trường MN Thăng Long	Xã Nam An Phụ	Công lập	Trường mầm non
859	Nhóm trẻ ĐL Cánh diều xanh	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
860	Nhóm trẻ ĐL Hoa ban mai	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
861	Nhóm trẻ ĐL Hoa Hướng Dương	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
862	Nhóm trẻ ĐL Nhân Hưng	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
863	Nhóm trẻ ĐL Thái Dương	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
864	Nhóm trẻ ĐL Tuổi Thần Tiên	Xã Nam Sách	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
865	Trường MN Đồng Lạc	Xã Nam Sách	Công lập	Trường mầm non
866	Trường MN Hồng Phong	Xã Nam Sách	Công lập	Trường mầm non
867	Trường MN Nam Hồng	Xã Nam Sách	Công lập	Trường mầm non
868	Trường MN Nam Sách	Xã Nam Sách	Công lập	Trường mầm non
869	Trường MN Chi Lăng Bắc	Xã Nam Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
870	Trường MN Chi Lăng Nam	Xã Nam Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
871	Trường MN Hồng Phong	Xã Nam Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
872	Trường MN Thanh Giang	Xã Nam Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
873	Trường MN Du Lễ	Xã Nghi Dương	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
874	Trường MN Hòa My	Xã Nghi Dương	Tư thực	Trường mầm non
875	Trường MN Kiến Quốc	Xã Nghi Dương	Công lập	Trường mầm non
876	Trường MN Ngũ Phúc	Xã Nghi Dương	Công lập	Trường mầm non
877	Nhóm trẻ ĐL Minh Ngọc	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
878	Trường MN Hòa Bình	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Công lập	Trường mầm non
879	Trường MN Lý học	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Công lập	Trường mầm non
880	Trường MN Trấn Dương	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Công lập	Trường mầm non
881	Nhóm trẻ ĐL Phạm Thị Hoàn	Xã Nguyên Giáp	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
882	Nhóm trẻ ĐL Phạm Thị Linh	Xã Nguyên Giáp	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
883	Nhóm trẻ ĐL Thiên Thần	Xã Nguyên Giáp	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
884	Trường MN Hà Kỳ	Xã Nguyên Giáp	Công lập	Trường mầm non
885	Trường MN Hà Thanh	Xã Nguyên Giáp	Công lập	Trường mầm non
886	Trường MN Nguyên Giáp	Xã Nguyên Giáp	Công lập	Trường mầm non
887	Lớp MNĐL Bi Bi	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
888	Lớp MNĐL Duy Anh	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
889	Lớp MNĐL Hòa Mi (1)	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
890	Lớp MNĐL Hòa Mi (2)	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
891	Lớp MNĐL Hoa Ngọc Lan	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
892	Lớp MNĐL Thanh Bình	Xã Nguyễn Lương Bằng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
893	Trường MN Đoàn Tùng	Xã Nguyễn Lương Bằng	Công lập	Trường mầm non
894	Trường MN Nhân Quyền	Xã Nguyễn Lương Bằng	Công lập	Trường mầm non
895	Trường MN Phạm Kha	Xã Nguyễn Lương Bằng	Công lập	Trường mầm non
896	Trường MN Thanh Tùng	Xã Nguyễn Lương Bằng	Công lập	Trường mầm non
897	Lớp MNĐL Hoa Tường Vi	Xã Ninh Giang	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
898	Nhóm trẻ ĐL Đinh Thị Thu	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
899	Nhóm trẻ ĐL Đỗ Thị Huyền Trang	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
900	Nhóm trẻ ĐL Lê Quỳnh Phương	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
901	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Mỹ	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
902	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Thu Trang	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
903	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Thủy	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
904	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Vân Oanh	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
905	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Yến	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
906	Nhóm trẻ ĐL Thỏ Ngọc	Xã Ninh Giang	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
907	Trường MN Đồng Tâm	Xã Ninh Giang	Công lập	Trường mầm non
908	Trường MN Hiệp Lực	Xã Ninh Giang	Công lập	Trường mầm non
909	Trường MN Hồng Dụ	Xã Ninh Giang	Công lập	Trường mầm non
910	Trường MN Ninh Giang	Xã Ninh Giang	Công lập	Trường mầm non
911	Trường MN Vĩnh Hòa	Xã Ninh Giang	Công lập	Trường mầm non
912	Lớp MNĐL Hạnh Phúc	Xã Phú Thái	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
913	Lớp MNĐL MOON KIDS	Xã Phú Thái	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
914	Trường MN Kim Anh	Xã Phú Thái	Công lập	Trường mầm non
915	Trường MN Kim Liên	Xã Phú Thái	Công lập	Trường mầm non
916	Trường MN Kim Xuyên	Xã Phú Thái	Công lập	Trường mầm non
917	Trường MN Phú Thái	Xã Phú Thái	Công lập	Trường mầm non
918	Trường MN Phúc Thành	Xã Phú Thái	Công lập	Trường mầm non
919	Trường MN Đại Thắng	Xã Quyết Thắng	Công lập	Trường mầm non
920	Trường MN Tiên Cường	Xã Quyết Thắng	Công lập	Trường mầm non
921	Trường MN Tụ Cường	Xã Quyết Thắng	Công lập	Trường mầm non
922	Trường MN An Đức	Xã Tân An	Công lập	Trường mầm non
923	Trường MN Hồng Đức	Xã Tân An	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
924	Trường MN Tân Phong	Xã Tân An	Công lập	Trường mầm non
925	Trường MN Vạn Phúc	Xã Tân An	Công lập	Trường mầm non
926	Trường MN Đại Hợp	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
927	Trường MN Dân Chủ	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
928	Trường MN Ngọc Kỳ	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
929	Trường MN Quảng Nghiệp	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
930	Trường MN Tái Sơn	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
931	Trường MN Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ	Công lập	Trường mầm non
932	Trường MN Bạch Đằng	Xã Tân Minh	Công lập	Trường mầm non
933	Trường MN Cấp Tiến	Xã Tân Minh	Công lập	Trường mầm non
934	Trường MN Đoàn Lập	Xã Tân Minh	Công lập	Trường mầm non
935	Trường MN Kiến Thiết	Xã Tân Minh	Công lập	Trường mầm non
936	Trường MN An Sơn	Xã Thái Tân	Công lập	Trường mầm non
937	Trường MN Nguyễn Đức Sáu	Xã Thái Tân	Công lập	Trường mầm non
938	Trường MN Thái Tân	Xã Thái Tân	Công lập	Trường mầm non
939	Lớp MNĐL Kid's House	Xã Thanh Hà	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
940	Nhóm trẻ ĐL Hạnh Phúc	Xã Thanh Hà	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
941	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thi Uyên	Xã Thanh Hà	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
942	Trường MN Thanh Hà	Xã Thanh Hà	Công lập	Trường mầm non
943	Trường MN Thanh Khê	Xã Thanh Hà	Công lập	Trường mầm non
944	Trường MN Thanh Sơn	Xã Thanh Hà	Công lập	Trường mầm non
945	Trường MN Thanh Thủy	Xã Thanh Hà	Công lập	Trường mầm non
946	Trường MN Thanh Xá	Xã Thanh Hà	Công lập	Trường mầm non
947	Lớp Mầm non độc lập Xứ Sở Thần Tiên	Xã Thanh Miện	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
948	Nhóm trẻ ĐL Gieo Nắng	Xã Thanh Miện	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
949	Trường MN Cao Thắng	Xã Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
950	Trường MN Ngũ Hùng	Xã Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
951	Trường MN Thanh Miện	Xã Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
952	Trường MN Tứ Cường	Xã Thanh Miện	Công lập	Trường mầm non
953	Lớp MNĐL Hoa Sữa	Xã Thượng Hồng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
954	Trường MN Bình Xuyên	Xã Thượng Hồng	Công lập	Trường mầm non
955	Trường MN Thái Dương	Xã Thượng Hồng	Công lập	Trường mầm non
956	Trường MN Thái Hòa	Xã Thượng Hồng	Công lập	Trường mầm non
957	Lớp MNĐL Bảo Tiên	Xã Tiên Lãng	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
958	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	Xã Tiên Lãng	Tư thực	Trường mầm non
959	Trường MN Khởi Nghĩa	Xã Tiên Lãng	Công lập	Trường mầm non
960	Trường MN Mặt Trời Nhỏ	Xã Tiên Lãng	Tư thực	Trường mầm non
961	Trường MN Phạm Đình Nguyên	Xã Tiên Lãng	Công lập	Trường mầm non
962	Trường MN Quyết Tiến	Xã Tiên Lãng	Công lập	Trường mầm non
963	Trường MN Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng	Công lập	Trường mầm non
964	Trường MN Tiên Thanh	Xã Tiên Lãng	Công lập	Trường mầm non
965	Lớp MNĐL Bảo Vũ	Xã Tiên Minh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
966	Trường MN Quang Phục	Xã Tiên Minh	Công lập	Trường mầm non
967	Trường MN Tiên Minh	Xã Tiên Minh	Công lập	Trường mầm non
968	Trường MN Tiên Thắng	Xã Tiên Minh	Công lập	Trường mầm non
969	Trường MN Toàn Thắng	Xã Tiên Minh	Công lập	Trường mầm non
970	Trường MN Hiệp Cát	Xã Trần Phú	Công lập	Trường mầm non
971	Trường MN Nam Chính	Xã Trần Phú	Công lập	Trường mầm non
972	Trường MN Nam Trung	Xã Trần Phú	Công lập	Trường mầm non
973	Trường MN Quốc Tuấn	Xã Trần Phú	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
974	Trường MN Thanh Quang	Xã Trần Phú	Công lập	Trường mầm non
975	Trường MN Đồng Quang	Xã Trường Tân	Công lập	Trường mầm non
976	Trường MN Đức Xương	Xã Trường Tân	Công lập	Trường mầm non
977	Trường MN Nhật Tân	Xã Trường Tân	Công lập	Trường mầm non
978	Trường MN Phạm Trấn	Xã Trường Tân	Công lập	Trường mầm non
979	Trường MN Quang Minh	Xã Trường Tân	Công lập	Trường mầm non
980	Trường MN Hoa Sữa	Xã Tứ Kỳ	Tư thực	Trường mầm non
981	Trường MN Minh Đức	Xã Tứ Kỳ	Công lập	Trường mầm non
982	Trường MN Quang Khải	Xã Tứ Kỳ	Công lập	Trường mầm non
983	Trường MN Quang Phục	Xã Tứ Kỳ	Công lập	Trường mầm non
984	Trường MN Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ	Công lập	Trường mầm non
985	Lớp MNĐL Phương Nam	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
986	Nhóm trẻ ĐL Đỗ Thị Ổn	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
987	Nhóm trẻ ĐL Hoa Hồng	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
988	Nhóm trẻ ĐL Hoa Hương Dương	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
989	Nhóm trẻ ĐL Nguyễn Thị Thảo	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
990	Nhóm trẻ ĐL Tuổi thần tiên	Xã Tuệ Tĩnh	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
991	Trường MN Cẩm Văn	Xã Tuệ Tĩnh	Công lập	Trường mầm non
992	Trường MN Cẩm Vũ	Xã Tuệ Tĩnh	Công lập	Trường mầm non
993	Trường MN Đức Chính	Xã Tuệ Tĩnh	Công lập	Trường mầm non
994	Trường MN An Sơn	Xã Việt Khê	Công lập	Trường mầm non
995	Trường MN Hoa Hồng	Xã Việt Khê	Tư thực	Trường mầm non
996	Trường MN Kỳ Sơn	Xã Việt Khê	Công lập	Trường mầm non
997	Trường MN Lại Xuân	Xã Việt Khê	Công lập	Trường mầm non
998	Trường MN Phù Ninh	Xã Việt Khê	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
999	Lớp MNĐL Thiên Phước	Xã Vĩnh Am	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Lớp MNĐL Thiên Thần Nhỏ	Xã Vĩnh Am	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Lớp MNĐL Tuổi thơ	Xã Vĩnh Am	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Nhóm trẻ ĐL Ban Mai	Xã Vĩnh Am	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
###	Nhóm trẻ ĐL Doremon	Xã Vĩnh Am	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
###	Trường MN Cao Minh	Xã Vĩnh Am	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Cổ Am	Xã Vĩnh Am	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Liên Am	Xã Vĩnh Am	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tam Cường	Xã Vĩnh Am	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Am	Công lập	Trường mầm non
###	Lớp MNĐL keyclass	Xã Vĩnh Bảo	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Trường MN Nhân Hòa	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tam Đa	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tân Hưng	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tân Liên	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Thị Trấn Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Vinh Quang	Xã Vĩnh Bảo	Công lập	Trường mầm non
###	Nhóm trẻ ĐL Mỹ Phương	Xã Vĩnh Hải	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
###	Nhóm trẻ ĐL Phương Vy	Xã Vĩnh Hải	Tư thực	Nhóm nhà trẻ độc lập
###	Trường MN Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Đồng Minh	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Hưng Nhân	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Thanh Lương	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tiền Phong	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Hải	Công lập	Trường mầm non

TT	Tên trường	Đơn vị quản lý	Loại	Quy mô
###	Trường MN An Hòa	Xã Vĩnh Hòa	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Hiệp Hòa	Xã Vĩnh Hòa	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Hùng Tiến	Xã Vĩnh Hòa	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Vĩnh Long	Xã Vĩnh Hòa	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Nghĩa An	Xã Vĩnh Lại	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Ninh Thành	Xã Vĩnh Lại	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Quyết Thắng	Xã Vĩnh Lại	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Tân Hương	Xã Vĩnh Lại	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Ứng Hòa	Xã Vĩnh Lại	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Thắng Thủy	Xã Vĩnh Thịnh	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Trung Lập	Xã Vĩnh Thịnh	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Việt Tiến	Xã Vĩnh Thịnh	Công lập	Trường mầm non
###	Lớp MNĐL Sao Mai	Xã Vĩnh Thuận	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Trường MN Dũng Tiến	Xã Vĩnh Thuận	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Giang Biên	Xã Vĩnh Thuận	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Vĩnh An	Xã Vĩnh Thuận	Công lập	Trường mầm non
###	Lớp MGĐL Thiên Thần 1	Xã Yết Kiêu	Tư thực	Lớp mẫu giáo độc lập
###	Lớp MNĐL Cá heo nhỏ	Xã Yết Kiêu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Lớp MNĐL Thiên Thần 2	Xã Yết Kiêu	Tư thực	Lớp mầm non độc lập
###	Trường MN Gia Hòa	Xã Yết Kiêu	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Lê Lợi	Xã Yết Kiêu	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Thống Nhất	Xã Yết Kiêu	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Trùng Khánh	Xã Yết Kiêu	Công lập	Trường mầm non
###	Trường MN Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	Công lập	Trường mầm non

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (GD TIỂU HỌC)
(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	TỔNG SỐ		342.390	69.060	66.519	69.125	63.510	74.176
1	Trường PT có cấp Tiểu học	PT Hermann Gmeiner	335	48	64	63	80	80
2	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	185	56	17	52	33	27
3	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Dewey	367	71	71	76	67	82
4	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Edison	22	1	9	6	3	3
5	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Lý Thái Tổ	27	5	4	7	8	3
6	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Ngôi Sao Hải Phòng	123	38	27	19	23	16
7	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	252	55	64	51	34	48
8	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản Hải Dương	287	90	65	53	33	46
9	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Quốc tế Singapore	24	8	5	7	4	
10	Trường PT có cấp Tiểu học	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	1.190	228	239	217	229	277
11	Trường PT có cấp Tiểu học	Trường GDCB Hải Phòng	361	34	55	71	103	98
12	Đặc khu Bạch Long Vĩ	MN-TH Bạch Long Vĩ	15	4	3	5	1	2
13	Đặc khu Cát Hải	TH Nguyễn Văn Trỗi	956	219	172	210	162	193
14	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Đoàn Đức Thái	427	90	85	95	83	74
15	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Gia Luận	54	10	14	11	11	8
16	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hà Sen	113	29	27	17	20	20
17	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hiền Hào	17	4	2	4	4	3
18	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hoàng Châu	133	32	27	27	18	29
19	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Nghĩa Lộ	241	61	52	38	42	48
20	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Phù Long	158	40	29	34	25	30
21	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Văn Phong	164	33	27	32	26	46

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
22	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Xuân Đám	61	12	17	8	12	12
23	Phường Ái Quốc	TH Ái Quốc	826	162	179	171	150	164
24	Phường Ái Quốc	TH Quyết Thắng	794	172	158	162	142	160
25	Phường An Biên	TH Nguyễn Đức Cảnh	2.161	429	430	404	419	479
26	Phường An Biên	TH Trưng Vương	917	168	204	167	187	191
27	Phường An Biên	TH Vĩnh Niệm	1.500	313	286	306	281	314
28	Phường An Biên	TH Võ Thị Sáu	2.413	534	432	505	441	501
29	Phường An Biên	TH-THCS Việt Anh	47	10	11	8	5	13
30	Phường An Dương	TH An Dương	1.327	259	274	262	242	290
31	Phường An Dương	TH Bắc Sơn	778	169	164	131	150	164
32	Phường An Dương	TH Đặng Cương	850	179	160	162	168	181
33	Phường An Dương	TH Lê Lợi	599	114	117	120	131	117
34	Phường An Dương	TH Nam Sơn	1.267	236	256	263	248	264
35	Phường An Dương	TH Quốc Tuấn	520	104	103	94	110	109
36	Phường An Dương	TH Tân Tiến	1.217	231	237	255	214	280
37	Phường An Hải	TH An Đồng	1.997	437	410	406	346	398
38	Phường An Hải	TH Đồng Thái	1.146	236	225	240	201	244
39	Phường An Hải	TH Hồng Thái	844	168	169	168	164	175
40	Phường An Phong	TH An Hòa	1.204	281	228	241	205	249
41	Phường An Phong	TH Hồng Phong	1.125	256	201	230	202	236
42	Phường An Phong	TH Lê Thiện	903	170	175	183	170	205
43	Phường Bắc An Phụ	TH Bạch Đằng	506	108	88	107	106	97
44	Phường Bắc An Phụ	TH Lê Ninh	506	101	97	98	96	114
45	Phường Bắc An Phụ	TH Thất Hùng	544	108	119	116	95	106
46	Phường Bạch Đằng	TH Gia Đức	532	115	101	99	98	119
47	Phường Bạch Đằng	TH Gia Minh	367	82	77	68	58	82
48	Phường Bạch Đằng	TH Minh Đức	900	189	201	159	163	188
49	Phường Bạch Đằng	TH Minh Tân	948	182	222	182	166	196
50	Phường Bạch Đằng	TH Ngũ Lão	1.303	260	274	257	236	276
51	Phường Chí Linh	TH Cổ Thành	553	132	79	125	102	115
52	Phường Chí Linh	TH Phả Lại	1.494	262	286	309	291	346

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
53	Phường Chí Linh	TH-THCS Nhân Huệ	269	51	48	62	47	61
54	Phường Chu Văn An	TH Chí Minh	1.025	202	186	215	210	212
55	Phường Chu Văn An	TH Chu Văn An	1.514	298	327	303	289	297
56	Phường Chu Văn An	TH Sao Đỏ	623	113	117	110	117	166
57	Phường Chu Văn An	TH Văn An	724	147	152	161	115	149
58	Phường Chu Văn An	TH-THCS Thái Học	301	71	54	53	57	66
59	Phường Đồ Sơn	TH Hải Sơn	733	129	134	163	151	156
60	Phường Đồ Sơn	TH Ngọc Xuyên	635	129	136	120	116	134
61	Phường Đồ Sơn	TH-THCS Vạn Hương	244	42	45	53	42	62
62	Phường Đông Hải	TH Đông Hải 1	1.875	418	377	347	340	393
63	Phường Đông Hải	TH Nam Hải	783	152	144	161	158	168
64	Phường Đông Hải	TH-THCS Đông Hải 2	1.203	246	241	227	234	255
65	Phường Dương Kinh	TH Hải Thành	645	143	111	132	124	135
66	Phường Dương Kinh	TH Hòa Nghĩa	921	175	199	174	161	212
67	Phường Dương Kinh	TH-THCS Tân Thành	482	88	87	96	86	125
68	Phường Gia Viên	TH Chu Văn An	2.239	485	448	431	397	478
69	Phường Gia Viên	TH Đăng Giang	900	173	163	183	146	235
70	Phường Gia Viên	TH Kim Đồng	367	59	77	61	91	79
71	Phường Gia Viên	TH Lê Hồng Phong	1.537	328	306	319	281	303
72	Phường Gia Viên	TH Nguyễn Khuyến	422	68	84	97	68	105
73	Phường Gia Viên	TH Nguyễn Trãi	949	177	183	193	193	203
74	Phường Hải An	TH Cát Bi	1.804	349	348	361	324	422
75	Phường Hải An	TH Đăng Hải	2.308	459	454	446	473	476
76	Phường Hải An	TH Đăng Lâm	2.462	539	495	469	470	489
77	Phường Hải An	TH Thành Tô	923	181	170	201	195	176
78	Phường Hải An	TH Tràng Cát	1.046	215	179	220	198	234
79	Phường Hải Dương	TH Ngọc Châu	984	189	193	182	157	263
80	Phường Hải Dương	TH Nhị Châu	436	91	100	74	82	89
81	Phường Hải Dương	TH Phú Lương	559	108	78	125	116	132
82	Phường Hải Dương	TH Tô Hiệu	1.115	215	190	230	200	280
83	Phường Hải Dương	TH Trần Quốc Toản	445	82	92	86	89	96
84	Phường Hòa Bình	TH An Lư	1.238	283	233	243	220	259
85	Phường Hòa Bình	TH Hoà Bình	1.108	236	211	244	206	211

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
86	Phường Hòa Bình	TH Thủy Triều	1.128	240	226	229	198	235
87	Phường Hòa Bình	TH Trung Hà	602	120	132	132	104	114
88	Phường Hồng An	TH An Hồng	1.256	251	232	245	264	264
89	Phường Hồng An	TH An Hưng	1.042	204	190	210	215	223
90	Phường Hồng An	TH Đại Bản I	865	159	163	173	167	203
91	Phường Hồng An	TH Đại Bản II	762	142	142	173	138	167
92	Phường Hồng An	TH Quán Toan	1.105	221	209	220	199	256
93	Phường Hồng Bàng	TH Bạch Đằng	1.325	272	270	270	241	272
94	Phường Hồng Bàng	TH Đinh Tiên Hoàng	1.680	306	315	346	313	400
95	Phường Hồng Bàng	TH Hùng Vương	1.211	244	232	232	238	265
96	Phường Hồng Bàng	TH Ngô Gia Tự	1.058	239	196	195	194	234
97	Phường Hồng Bàng	TH Nguyễn Huệ	400	65	74	97	77	87
98	Phường Hồng Bàng	TH Nguyễn Trãi	429	82	87	98	84	78
99	Phường Hồng Bàng	TH Nguyễn Tri Phương	944	213	199	189	160	183
100	Phường Hồng Bàng	TH Trần Văn Ơn	719	163	121	135	136	164
101	Phường Hưng Đạo	TH Anh Dũng	947	200	183	182	187	195
102	Phường Hưng Đạo	TH Đa Phúc	915	170	198	189	170	188
103	Phường Hưng Đạo	TH Hưng Đạo	1.013	208	187	175	218	225
104	Phường Kiến An	TH Đồng Hoà	1.072	235	218	199	183	237
105	Phường Kiến An	TH Nguyễn Du	1.186	251	233	248	204	250
106	Phường Kiến An	TH Quán Trữ	599	120	130	105	116	128
107	Phường Kiến An	TH Quang Trung	453	91	99	115	74	74
108	Phường Kiến An	TH Thực Hành	410	81	84	86	71	88
109	Phường Kiến An	TH Trần Thành Ngọ	926	203	183	174	162	204
110	Phường Kinh Môn	TH An Lưu	645	145	130	121	110	139
111	Phường Kinh Môn	TH Hiệp An	861	173	176	178	147	187
112	Phường Kinh Môn	TH Long Xuyên	534	99	117	116	87	115
113	Phường Lê Chân	TH Dư Hàng	1.154	231	248	220	205	250
114	Phường Lê Chân	TH Dư Hàng Kênh	1.052	200	210	197	183	262
115	Phường Lê Chân	TH Lê Văn Tám	953	214	159	179	167	234
116	Phường Lê Chân	TH Nguyễn Công Trứ	897	173	162	176	160	226
117	Phường Lê Chân	TH Nguyễn Thị Minh Khai	1.554	317	288	326	285	338
118	Phường Lê Chân	TH Nguyễn Văn Tố	2.485	497	464	530	490	504

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
119	Phường Lê Chân	TH Tân Trào	654	126	124	130	106	168
120	Phường Lê Chân	TH Trần Hưng Đạo	1.161	218	231	225	223	264
121	Phường Lê Chân	TH-THCS Hữu Nghị Quốc tế	253	36	51	47	55	64
122	Phường Lê Đại Hành	TH An Lạc	454	94	93	92	86	89
123	Phường Lê Đại Hành	TH Đồng Lạc	566	111	108	134	108	105
124	Phường Lê Đại Hành	TH Tân Dân	712	125	141	147	137	162
125	Phường Lê Ích Mộc	TH Cao Nhân	872	206	173	169	140	184
126	Phường Lê Ích Mộc	TH Chính Mỹ	979	200	195	213	145	226
127	Phường Lê Ích Mộc	TH Hợp Thành	679	143	152	118	128	138
128	Phường Lê Ích Mộc	TH Mỹ Đồng	663	144	127	124	135	133
129	Phường Lê Ích Mộc	TH Quảng Thanh	1.025	220	208	212	166	219
130	Phường Lê Thanh Nghị	TH Amanaki	64	14	16	15	10	9
131	Phường Lê Thanh Nghị	TH Bình Minh	1.208	235	219	255	207	292
132	Phường Lê Thanh Nghị	TH Chu Văn An	328	45	61	84	74	64
133	Phường Lê Thanh Nghị	TH Đặng Quốc Chinh	398	68	61	97	76	96
134	Phường Lê Thanh Nghị	TH Lý Tự Trọng	960	186	214	186	200	174
135	Phường Lê Thanh Nghị	TH Nguyễn Lương Bằng	1.317	268	298	273	190	288
136	Phường Lê Thanh Nghị	TH Tân Bình	1.324	246	253	276	286	263
137	Phường Lê Thanh Nghị	TH Thanh Bình	1.736	316	329	354	354	383
138	Phường Lê Thanh Nghị	TH Võ Thị Sáu	872	168	174	179	162	189
139	Phường Lưu Kiếm	TH Đông Sơn	640	130	153	129	110	118
140	Phường Lưu Kiếm	TH Kênh Giang	1.030	199	202	206	199	224
141	Phường Lưu Kiếm	TH Liên Khê	1.084	235	201	206	202	240
142	Phường Lưu Kiếm	TH Lưu Kiếm	1.410	301	299	277	273	260
143	Phường Nam Đồ Sơn	TH Bằng La	761	138	161	159	149	154
144	Phường Nam Đồ Sơn	TH Hợp Đức	720	161	146	141	128	144

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
145	Phường Nam Đồ Sơn	TH Minh Đức	505	107	93	100	98	107
146	Phường Nam Đồng	TH Nam Đồng	779	158	146	164	137	174
147	Phường Nam Đồng	TH Tiên Tiến	1.168	235	223	219	239	252
148	Phường Nam Triệu	TH Lập Lễ	1.127	248	226	221	214	218
149	Phường Nam Triệu	TH Phả Lễ	569	108	118	112	110	121
150	Phường Nam Triệu	TH Phục Lễ	618	138	130	113	115	122
151	Phường Nam Triệu	TH Tam Hưng	541	127	115	94	96	109
152	Phường Ngô Quyền	TH Nguyễn Du	1.101	178	218	232	216	257
153	Phường Ngô Quyền	TH Nguyễn Thượng Hiền	1.200	208	226	235	254	277
154	Phường Ngô Quyền	TH Quang Trung	1.047	223	202	205	196	221
155	Phường Ngô Quyền	TH Thái Phiên	1.069	198	192	220	218	241
156	Phường Ngô Quyền	TH Trần Quốc Toản	942	144	180	180	220	218
157	Phường Nguyễn Đại Nãi	TH Hiến Thành	977	188	164	201	187	237
158	Phường Nguyễn Đại Nãi	TH Minh Hòa	786	148	160	163	141	174
159	Phường Nguyễn Đại Nãi	TH Thái Thịnh	678	135	132	136	122	153
160	Phường Nguyễn Trãi	TH Bắc An	563	115	95	123	112	118
161	Phường Nguyễn Trãi	TH Bến Tắm	470	109	86	85	72	118
162	Phường Nguyễn Trãi	TH-THCS Hoa Thám	255	49	42	47	60	57
163	Phường Nhị Chiểu	TH Duy Tân	588	105	120	112	116	135
164	Phường Nhị Chiểu	TH Hoàn Sơn	282	54	59	53	60	56
165	Phường Nhị Chiểu	TH Minh Tân	909	177	199	149	189	195
166	Phường Nhị Chiểu	TH Phú Thứ	768	159	138	149	136	186
167	Phường Nhị Chiểu	TH Tân Dân	333	65	57	64	65	82
168	Phường Nhị Chiểu	TH Tử Lạc	279	52	47	56	53	71
169	Phường Phạm Sư Mạnh	TH An Sinh	490	103	98	112	76	101

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
170	Phường Phạm Sư Mạnh	TH Hiệp Sơn	794	159	142	161	149	183
171	Phường Phạm Sư Mạnh	TH Phạm Thái	621	129	102	147	95	148
172	Phường Phù Liễn	TH Kim Đồng	357	86	71	67	59	74
173	Phường Phù Liễn	TH Lê Hồng Phong	1.239	248	237	260	229	265
174	Phường Phù Liễn	TH Lý Tự Trọng	467	100	99	89	95	84
175	Phường Phù Liễn	TH Nam Hà	859	171	163	179	160	186
176	Phường Phù Liễn	TH Ngọc Sơn	1.186	256	230	230	217	253
177	Phường Phù Liễn	TH Trần Quốc Toản	607	136	113	107	117	134
178	Phường Tân Hưng	TH Hải Tân	1.272	250	244	238	254	286
179	Phường Tân Hưng	TH Ngọc Sơn	523	88	102	105	112	116
180	Phường Tân Hưng	TH Sao Mai	695	162	137	143	122	131
181	Phường Tân Hưng	TH Tân Hưng	608	119	95	142	116	136
182	Phường Thạch Khê	TH Gia Xuyên	757	150	138	146	151	172
183	Phường Thạch Khê	TH Liên Hồng	888	183	167	183	153	202
184	Phường Thạch Khê	TH Thạch Khê	927	177	181	199	170	200
185	Phường Thành Đông	TH An Thượng	595	120	104	117	112	142
186	Phường Thành Đông	TH Bình Hàn	768	147	133	170	143	175
187	Phường Thành Đông	TH Cẩm Thượng	671	121	131	148	119	152
188	Phường Thành Đông	TH Đình Văn Tả	585	105	117	131	109	123
189	Phường Thành Đông	TH Newton	95	33	18	19	13	12
190	Phường Thành Đông	TH Nguyễn Trãi	836	146	170	169	152	199
191	Phường Thiên Hương	TH Hoàng Động	674	143	121	150	118	142
192	Phường Thiên Hương	TH Kiên Bái	1.112	220	235	216	212	229
193	Phường Thiên Hương	TH Lâm Động	546	122	109	127	98	90
194	Phường Thiên Hương	TH Thiên Hương	968	192	182	180	190	224
195	Phường Thủy Nguyên	TH Dương Quan	743	149	153	134	158	149
196	Phường Thủy Nguyên	TH Hoa Động	949	195	198	212	168	176

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
197	Phường Thủy Nguyên	TH Núi Đèo	990	225	187	191	180	207
198	Phường Thủy Nguyên	TH Tân Dương	696	165	144	137	116	134
199	Phường Thủy Nguyên	TH Thủy Đường	1.264	295	253	249	203	264
200	Phường Thủy Nguyên	TH Thủy Sơn	697	155	144	127	127	144
201	Phường Trần Hưng Đạo	TH Cộng Hòa	1.214	230	248	251	209	276
202	Phường Trần Hưng Đạo	TH Hưng Đạo	419	89	86	72	78	94
203	Phường Trần Hưng Đạo	TH Lê Lợi	702	144	133	143	125	157
204	Phường Trần Liễu	TH An Phụ	887	213	166	177	158	173
205	Phường Trần Liễu	TH Hiệp Hòa	565	111	115	113	104	122
206	Phường Trần Liễu	TH Thượng Quận	542	115	115	120	89	103
207	Phường Trần Nhân Tông	TH Hoàng Tiến	586	125	118	114	103	126
208	Phường Trần Nhân Tông	TH Văn Đức	743	150	144	143	135	171
209	Phường Trần Nhân Tông	TH-THCS Hoàng Tân	469	92	94	94	76	113
210	Phường Tứ Minh	TH Cẩm Đoài	519	112	106	107	84	110
211	Phường Tứ Minh	TH Tứ Minh	1.613	327	292	334	283	377
212	Phường Việt Hòa	TH Cao An	808	185	147	171	143	162
213	Phường Việt Hòa	TH Lai Cách	1.361	280	253	277	247	304
214	Phường Việt Hòa	TH Việt Hòa	802	165	142	160	138	197
215	Xã An Hưng	TH Nguyễn Đốc Tín	829	180	166	184	136	163
216	Xã An Hưng	TH-THCS Chiến Thắng	594	114	118	119	137	106
217	Xã An Hưng	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	511	96	105	93	101	116
218	Xã An Khánh	TH Mỹ Đức 1	569	123	108	116	94	128
219	Xã An Khánh	TH Mỹ Đức 2	489	98	99	85	95	112
220	Xã An Khánh	TH Tân Viên	723	137	144	149	118	175
221	Xã An Khánh	TH Trần Tất Văn	814	165	147	170	141	191
222	Xã An Lão	TH An Thắng	526	106	101	106	95	118
223	Xã An Lão	TH An Tiến	855	172	184	160	154	185
224	Xã An Lão	TH Tân Dân	840	199	140	178	140	183
225	Xã An Lão	TH Thị Trấn An Lão	659	140	152	127	99	141
226	Xã An Lão	TH Trường Sơn	769	159	159	163	145	143
227	Xã An Phú	TH An Bình	646	148	120	132	111	135
228	Xã An Phú	TH An Lâm	738	148	138	148	134	170
229	Xã An Phú	TH Cộng Hòa	936	176	194	175	172	219

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
230	Xã An Phú	TH-THCS Phú Điền	404	80	74	84	76	90
231	Xã An Quang	TH Quang Trung	712	149	143	146	126	148
232	Xã An Quang	TH Quốc Tuấn	785	152	175	159	137	162
233	Xã An Quang	TH-THCS Quang Hưng	523	111	107	92	88	125
234	Xã An Thành	TH Kim Đính	647	141	118	106	143	139
235	Xã An Thành	TH Kim Tân	851	178	145	162	162	204
236	Xã An Thành	TH Ngũ Phúc	698	147	128	138	136	149
237	Xã An Trường	TH Bát Trang	814	182	151	166	144	171
238	Xã An Trường	TH Trường Thọ	866	182	194	176	163	151
239	Xã An Trường	TH-THCS Trường Thành	514	98	103	99	106	108
240	Xã Bắc Thanh Miện	TH Hồng Quang	756	146	155	161	138	156
241	Xã Bắc Thanh Miện	TH Lam Sơn	568	115	130	96	91	136
242	Xã Bắc Thanh Miện	TH Lê Hồng	543	103	118	113	92	117
243	Xã Bình Giang	TH Cổ Bì	571	127	111	112	113	108
244	Xã Bình Giang	TH Hồng Khê	603	113	120	132	100	138
245	Xã Bình Giang	TH Long Xuyên	616	127	115	108	132	134
246	Xã Bình Giang	TH Tân Việt	662	131	123	141	112	155
247	Xã Cẩm Giang	TH Cẩm Giang	749	178	137	151	123	160
248	Xã Cẩm Giang	TH Cẩm Hoàng	651	145	124	120	122	140
249	Xã Cẩm Giang	TH Định Sơn	935	180	173	192	181	209
250	Xã Cẩm Giang	TH Thạch Lỗi	302	53	64	68	52	65
251	Xã Cẩm Giàng	TH Cẩm Hưng	591	108	126	116	115	126
252	Xã Cẩm Giàng	TH Lương Điền	1.202	267	199	233	220	283
253	Xã Cẩm Giàng	TH Ngọc Liên	776	155	148	167	133	173
254	Xã Chấn Hưng	TH Bắc Hưng	505	100	96	107	113	89
255	Xã Chấn Hưng	TH Đông Hưng	570	136	89	121	90	134
256	Xã Chấn Hưng	TH Nam Hưng	347	54	92	77	54	70
257	Xã Chấn Hưng	TH Tây Hưng	418	68	85	76	86	103
258	Xã Chí Minh	TH An Thanh	811	159	150	190	145	167
259	Xã Chí Minh	TH Chí Minh I	566	100	110	124	105	127
260	Xã Chí Minh	TH Chí Minh II	353	66	54	74	63	96
261	Xã Chí Minh	TH Văn Tố	794	151	162	146	152	183
262	Xã Đại Sơn	TH Bình Lãng	412	78	84	80	76	94
263	Xã Đại Sơn	TH Đại Đồng	641	122	136	131	122	130
264	Xã Đại Sơn	TH Hưng Đạo	967	197	182	202	191	195
265	Xã Đại Sơn	TH Kỳ Sơn	298	51	46	72	53	76
266	Xã Đường An	TH Tân Hồng	557	124	103	102	110	118
267	Xã Đường An	TH Thái Minh	974	186	190	204	181	213
268	Xã Đường An	TH Thúc Kháng	563	110	121	96	113	123
269	Xã Đường An	TH-THCS Thái Minh	481	108	73	105	89	106
270	Xã Gia Lộc	TH Gia Khánh	508	112	93	102	79	122
271	Xã Gia Lộc	TH Gia Lộc	776	172	207	138	136	123
272	Xã Gia Lộc	TH Gia Lộc II	962	193	118	212	177	262
273	Xã Gia Lộc	TH Gia Lương	456	95	85	92	86	98
274	Xã Gia Lộc	TH Gia Tân	439	100	88	82	90	79

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
275	Xã Gia Lộc	TH Tân Tiến	411	89	87	79	66	90
276	Xã Gia Phúc	TH Đoàn Thượng	463	93	100	98	83	89
277	Xã Gia Phúc	TH Hoàng Diệu	666	148	117	133	133	135
278	Xã Gia Phúc	TH Hồng Hưng	633	130	111	124	135	133
279	Xã Gia Phúc	TH Thống Kênh	600	124	121	117	109	129
280	Xã Gia Phúc	TH Toàn Thắng	534	111	117	99	102	105
281	Xã Hà Bắc	TH Cẩm Chế	634	115	108	137	128	146
282	Xã Hà Bắc	TH Hồng Lạc	955	203	188	184	174	206
283	Xã Hà Bắc	TH Tân Việt	764	152	165	147	140	160
284	Xã Hà Bắc	TH Việt Hồng	335	61	57	77	59	81
285	Xã Hà Đông	TH Thanh Cường	399	78	73	92	75	81
286	Xã Hà Đông	TH Thanh Hồng	637	115	129	114	135	144
287	Xã Hà Đông	TH Thanh Quang	838	180	134	158	166	200
288	Xã Hà Đông	TH Vĩnh Lập	391	86	76	70	72	87
289	Xã Hà Nam	TH Liên Mạc	575	111	115	128	116	105
290	Xã Hà Nam	TH Thanh An	423	86	75	86	80	96
291	Xã Hà Nam	TH Thanh Lang	373	85	80	86	45	77
292	Xã Hà Nam	TH Thanh Xuân	414	78	81	89	77	89
293	Xã Hà Tây	TH An Phượng	909	155	172	198	180	204
294	Xã Hà Tây	TH Tân An	579	113	113	112	110	131
295	Xã Hà Tây	TH Thanh Hải	1.322	240	259	286	239	298
296	Xã Hải Hưng	TH Đoàn Kết	698	131	143	149	133	142
297	Xã Hải Hưng	TH Ngô Quyền	643	116	120	143	117	147
298	Xã Hải Hưng	TH Tân Trào	632	140	120	121	114	137
299	Xã Hồng Châu	TH Hưng Long	404	82	88	81	87	66
300	Xã Hồng Châu	TH Hưng Thái	421	90	75	81	76	99
301	Xã Hồng Châu	TH Tân Quang	339	65	75	73	51	75
302	Xã Hồng Châu	TH Tân Quang II	589	115	114	129	106	125
303	Xã Hồng Châu	TH Văn Giang	405	80	76	82	71	96
304	Xã Hồng Châu	TH Văn Hội	297	51	64	60	63	59
305	Xã Hợp Tiến	TH Hợp Tiến	598	119	118	135	106	120
306	Xã Hợp Tiến	TH Mạc Thị Bưởi	454	79	97	101	78	99
307	Xã Hợp Tiến	TH Nam Hưng	440	93	84	108	81	74
308	Xã Hùng Thắng	TH Hùng Thắng	910	182	147	197	168	216
309	Xã Hùng Thắng	TH Vinh Quang	908	186	171	175	176	200
310	Xã Kẻ Sặt	TH Hùng Thắng	502	96	97	113	95	101
311	Xã Kẻ Sặt	TH Kẻ Sặt	1.512	317	281	303	252	359
312	Xã Kẻ Sặt	TH Vĩnh Hồng	838	169	166	175	157	171
313	Xã Kẻ Sặt	TH Vĩnh Hưng	646	124	114	125	145	138
314	Xã Khúc Thừa Dụ	TH Đông Xuyên	481	108	97	83	84	109
315	Xã Khúc Thừa Dụ	TH Hồng Phong	522	85	97	95	111	134
316	Xã Khúc Thừa Dụ	TH Hồng Phúc	340	52	73	72	62	81
317	Xã Khúc Thừa Dụ	TH Kiến Quốc	633	123	120	142	132	116
318	Xã Khúc Thừa Dụ	TH Ninh Hải	545	120	95	100	103	127
319	Xã Kiến Hải	TH Đại Hợp	793	171	143	172	149	158
320	Xã Kiến Hải	TH Đoàn Xá	736	145	145	142	137	167
321	Xã Kiến Hải	TH Tú Sơn	1.050	220	212	202	181	235
322	Xã Kiến Hải	TH-THCS Tân Phong	476	101	85	95	99	96
323	Xã Kiến Hưng	TH Đại Hà	575	109	118	125	107	116
324	Xã Kiến Hưng	TH Ngũ Đoan	741	140	136	148	149	168
325	Xã Kiến Hưng	TH Tân Trào	733	131	153	148	136	165

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
326	Xã Kiến Minh	TH Đại Đồng	551	97	105	127	107	115
327	Xã Kiến Minh	TH Đông Phương	594	126	116	115	102	135
328	Xã Kiến Minh	TH Minh Tân	593	99	123	129	115	127
329	Xã Kiến Thụy	TH Hữu Bằng	746	150	146	163	145	142
330	Xã Kiến Thụy	TH Thị Trấn Núi Đồi	666	131	117	127	142	149
331	Xã Kiến Thụy	TH Thuận Thiên	812	151	140	181	154	186
332	Xã Kiến Thụy	TH-THCS Thanh Sơn	520	112	94	103	92	119
333	Xã Kiến Thụy	TH-THCS Thụy Hương	439	80	83	91	79	106
334	Xã Kim Thành	TH Bình Dân	399	96	75	70	81	77
335	Xã Kim Thành	TH Đại Đức	842	162	161	158	159	202
336	Xã Kim Thành	TH Đồng Cẩm	898	183	168	187	171	189
337	Xã Kim Thành	TH Liên Hòa	587	110	119	128	119	111
338	Xã Kim Thành	TH Tam Kỳ	541	106	107	98	108	122
339	Xã Lạc Phượng	TH Cộng Lạc	464	78	95	111	92	88
340	Xã Lạc Phượng	TH Phượng Kỳ	383	82	58	90	69	84
341	Xã Lạc Phượng	TH Quang Trung	808	157	163	181	141	166
342	Xã Lạc Phượng	TH Tiên Động	637	115	132	126	131	133
343	Xã Lai Khê	TH Cổ Dũng	587	119	118	113	115	122
344	Xã Lai Khê	TH Cộng Hòa	479	72	82	108	106	111
345	Xã Lai Khê	TH Lai Vu	558	108	107	122	86	135
346	Xã Lai Khê	TH Thượng Vũ	576	103	122	109	105	137
347	Xã Lai Khê	TH Tuấn Việt	1.166	233	212	227	233	261
348	Xã Mao Điền	TH Cẩm Điền	548	120	102	100	113	113
349	Xã Mao Điền	TH Cẩm Đông	786	150	148	170	146	172
350	Xã Mao Điền	TH Cẩm Phúc	939	193	169	187	179	211
351	Xã Mao Điền	TH Tân Trường 1	1.065	222	187	203	205	248
352	Xã Mao Điền	TH Tân Trường 2	423	84	84	84	82	89
353	Xã Nam An Phụ	TH Lạc Long	526	107	102	84	110	123
354	Xã Nam An Phụ	TH Quang Thành	809	170	159	175	147	158
355	Xã Nam An Phụ	TH Thăng Long	504	92	103	102	100	107
356	Xã Nam Sách	TH Nam Hồng	568	112	126	115	108	107
357	Xã Nam Sách	TH Nam Sách	903	171	177	193	149	213
358	Xã Nam Sách	TH Phùng Văn Trinh	996	184	212	197	195	208
359	Xã Nam Sách	TH-THCS Hồng Phong	598	133	113	112	115	125
360	Xã Nam Thanh Miện	TH Chi Lăng Bắc	586	120	101	132	113	120
361	Xã Nam Thanh Miện	TH Chi Lăng Nam	429	86	85	74	84	100
362	Xã Nam Thanh Miện	TH Hồng Phong	576	119	118	110	103	126
363	Xã Nam Thanh Miện	TH Thanh Giang	652	112	125	131	125	159
364	Xã Nghi Dương	TH Kiến Quốc	911	187	177	172	184	191
365	Xã Nghi Dương	TH Ngũ Phúc	581	134	111	119	101	116
366	Xã Nghi Dương	TH-THCS Du Lễ	358	69	63	65	82	79
367	Xã Nguyễn Bình Khiêm	TH Hòa Bình	662	134	137	131	111	149

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
368	Xã Nguyễn Bình Khiêm	TH Trấn Dương	605	118	114	126	103	144
369	Xã Nguyên Giáp	TH Hà Kỳ	653	155	137	135	108	118
370	Xã Nguyên Giáp	TH Hà Thanh	535	93	108	127	100	107
371	Xã Nguyên Giáp	TH Nguyên Giáp	966	212	191	209	168	186
372	Xã Nguyễn Lương Bằng	TH Đoàn Tùng	745	161	139	163	130	152
373	Xã Nguyễn Lương Bằng	TH Nhân Quyền	691	148	130	149	114	150
374	Xã Nguyễn Lương Bằng	TH Phạm Kha	703	148	127	134	149	145
375	Xã Nguyễn Lương Bằng	TH Thanh Tùng	507	102	86	111	101	107
376	Xã Ninh Giang	TH Đồng Tâm	651	119	150	133	112	137
377	Xã Ninh Giang	TH Hiệp Lực	436	88	85	87	65	111
378	Xã Ninh Giang	TH Hồng Dụ	527	97	115	83	103	129
379	Xã Ninh Giang	TH Ninh Giang	453	105	91	86	91	80
380	Xã Ninh Giang	TH Vĩnh Hòa	674	127	132	142	120	153
381	Xã Phú Thái	TH Kim Anh	709	130	151	141	114	173
382	Xã Phú Thái	TH Kim Liên	1.039	193	213	214	198	221
383	Xã Phú Thái	TH Kim Xuyên	994	214	191	199	199	191
384	Xã Phú Thái	TH Phú Thái	579	109	98	131	122	119
385	Xã Phú Thái	TH Phúc Thành	368	79	69	79	76	65
386	Xã Quyết Thắng	TH Đại Thắng	490	103	96	95	83	113
387	Xã Quyết Thắng	TH Tiên Cường	470	106	99	95	85	85
388	Xã Quyết Thắng	TH Tụ Cường	556	124	111	115	104	102
389	Xã Tân An	TH An Đức	354	76	74	68	63	73
390	Xã Tân An	TH Hồng Đức	551	100	106	120	98	127
391	Xã Tân An	TH Tân Phong	718	150	140	159	116	153
392	Xã Tân An	TH Vạn Phúc	390	84	62	79	71	94
393	Xã Tân Kỳ	TH Đại Hợp	580	105	118	112	115	130
394	Xã Tân Kỳ	TH Dân Chủ	434	77	84	92	79	102
395	Xã Tân Kỳ	TH Ngọc Kỳ	335	70	55	60	74	76
396	Xã Tân Kỳ	TH Quảng Nghiệp	394	82	82	82	75	73
397	Xã Tân Kỳ	TH Tái Sơn	383	77	60	79	73	94
398	Xã Tân Kỳ	TH Tân Kỳ	823	164	160	178	138	183
399	Xã Tân Minh	TH Bạch Đằng	452	78	75	106	83	110
400	Xã Tân Minh	TH Cấp Tiến	402	75	75	81	76	95
401	Xã Tân Minh	TH Đoàn Lập	688	130	128	152	117	161
402	Xã Tân Minh	TH Kiến Thiết	770	181	162	158	122	147
403	Xã Thái Tân	TH An Sơn	562	113	102	106	118	123
404	Xã Thái Tân	TH Thái Tân	640	125	126	136	120	133
405	Xã Thái Tân	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	411	75	71	93	77	95
406	Xã Thanh Hà	TH Thanh Hà	827	155	179	157	155	181
407	Xã Thanh Hà	TH Thanh Khê	490	86	96	102	97	109
408	Xã Thanh Hà	TH Thanh Sơn	585	106	128	138	91	122
409	Xã Thanh Hà	TH Thanh Thủy	415	82	74	94	78	87
410	Xã Thanh Hà	TH Thanh Xá	339	54	81	48	80	76
411	Xã Thanh Miện	TH Cao Thắng	486	95	98	107	67	119
412	Xã Thanh Miện	TH Ngũ Hùng	682	145	119	149	107	162
413	Xã Thanh Miện	TH Thanh Miện	1.161	245	238	246	203	229

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
414	Xã Thanh Miện	TH Tứ Cường	908	170	176	209	161	192
415	Xã Thượng Hồng	TH Bình Xuyên	1.079	215	193	231	193	247
416	Xã Thượng Hồng	TH Thái Dương	432	89	76	96	80	91
417	Xã Thượng Hồng	TH-THCS Thái Hòa	564	97	109	120	96	142
418	Xã Tiên Lãng	TH Khởi Nghĩa	383	64	83	71	82	83
419	Xã Tiên Lãng	TH Minh Đức	501	112	88	111	88	102
420	Xã Tiên Lãng	TH Quyết Tiến	627	118	112	141	131	125
421	Xã Tiên Lãng	TH Tiên Lãng	1.031	194	210	229	181	217
422	Xã Tiên Lãng	TH Tiên Thanh	477	106	93	86	92	100
423	Xã Tiên Minh	TH Quang Phục	821	173	161	153	157	177
424	Xã Tiên Minh	TH Tiên Minh	613	124	114	123	112	140
425	Xã Tiên Minh	TH Toàn Thắng - Tiên Thắng	961	214	176	179	164	228
426	Xã Trần Phú	TH Hiệp Cát	633	116	132	127	112	146
427	Xã Trần Phú	TH Nam Trung	646	134	122	148	108	134
428	Xã Trần Phú	TH Quốc Tuấn	810	171	158	163	144	174
429	Xã Trần Phú	TH-THCS Nam Chính	340	54	54	73	72	87
430	Xã Trần Phú	TH-THCS Thanh Quang	435	79	89	93	83	91
431	Xã Trường Tân	TH Đồng Quang	496	107	99	95	85	110
432	Xã Trường Tân	TH Đức Xương	446	83	80	111	76	96
433	Xã Trường Tân	TH Nhật Tân	385	82	84	83	74	62
434	Xã Trường Tân	TH Phạm Trấn	484	109	88	90	104	93
435	Xã Trường Tân	TH Quang Minh	620	110	122	133	110	145
436	Xã Tứ Kỳ	TH Minh Đức	948	169	186	212	197	184
437	Xã Tứ Kỳ	TH Quang Khải	489	94	95	94	95	111
438	Xã Tứ Kỳ	TH Quang Phục	601	105	104	119	116	157
439	Xã Tứ Kỳ	TH Tứ Kỳ	1.011	204	211	184	197	215
440	Xã Tuệ Tĩnh	TH Cẩm Văn	714	140	117	154	126	177
441	Xã Tuệ Tĩnh	TH Cẩm Vũ	676	127	147	140	112	150
442	Xã Tuệ Tĩnh	TH Đức Chính	557	95	98	131	109	124
443	Xã Việt Khê	TH An Sơn	539	118	114	97	97	113
444	Xã Việt Khê	TH Kỳ Sơn	882	203	171	166	181	161
445	Xã Việt Khê	TH Lại Xuân	793	183	151	161	136	162
446	Xã Việt Khê	TH Phù Ninh	451	92	81	73	100	105
447	Xã Vĩnh Am	TH Cao Minh	626	135	109	140	113	129
448	Xã Vĩnh Am	TH Liên Am-Lý Học	715	161	124	121	147	162
449	Xã Vĩnh Am	TH Tam Cường	547	118	93	121	87	128
450	Xã Vĩnh Am	TH Vĩnh Tiến-Cổ Am	582	134	109	107	101	131
451	Xã Vĩnh Bảo	TH Nhân Hòa	486	96	98	99	92	101
452	Xã Vĩnh Bảo	TH Tam Đa	351	62	81	69	66	73
453	Xã Vĩnh Bảo	TH Tân Hưng	499	84	110	111	97	97
454	Xã Vĩnh Bảo	TH Tân Liên	578	123	125	117	101	112
455	Xã Vĩnh Bảo	TH Thị Trấn Vĩnh Bảo	894	168	197	157	162	210
456	Xã Vĩnh Bảo	TH Vinh Quang	615	127	132	124	93	139
457	Xã Vĩnh Hải	TH Cộng Hiền	468	88	96	93	97	94
458	Xã Vĩnh Hải	TH Đồng Minh	467	82	98	94	90	103

TT	UBND Xã	Tên trường	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
459	Xã Vĩnh Hải	TH Thanh Lương	360	78	73	70	63	76
460	Xã Vĩnh Hải	TH Vĩnh Phong-Tiền Phong	670	127	120	141	117	165
461	Xã Vĩnh Hải	TH-THCS Hưng Nhân	218	35	53	50	37	43
462	Xã Vĩnh Hòa	TH An Hòa	571	129	113	103	103	123
463	Xã Vĩnh Hòa	TH Hiệp Hòa	406	87	63	85	76	95
464	Xã Vĩnh Hòa	TH Hùng Tiến	604	122	122	120	114	126
465	Xã Vĩnh Hòa	TH Vĩnh Long-Thắng Thủy	844	166	163	186	139	190
466	Xã Vĩnh Lại	TH Nghĩa An	851	161	176	167	150	197
467	Xã Vĩnh Lại	TH Ninh Hòa	217	43	45	37	51	41
468	Xã Vĩnh Lại	TH Ninh Thành	307	63	58	57	54	75
469	Xã Vĩnh Lại	TH Quyết Thắng	287	51	53	50	58	75
470	Xã Vĩnh Lại	TH Tân Hương	667	143	121	127	129	147
471	Xã Vĩnh Lại	TH Ứng Hoè	552	140	94	117	85	116
472	Xã Vĩnh Thịnh	TH Trung Lập	665	132	114	137	128	154
473	Xã Vĩnh Thịnh	TH Việt Tiến	765	165	143	136	127	194
474	Xã Vĩnh Thuận	TH Dũng Tiến	771	177	137	151	140	166
475	Xã Vĩnh Thuận	TH Giang Biên	860	165	158	179	153	205
476	Xã Vĩnh Thuận	TH Vĩnh An	732	136	138	147	152	159
477	Xã Yết Kiêu	TH Gia Hòa	435	94	81	80	81	99
478	Xã Yết Kiêu	TH Lê Lợi	632	121	135	124	122	130
479	Xã Yết Kiêu	TH Thống Nhất	750	152	151	145	133	169
480	Xã Yết Kiêu	TH Trùng Khánh	252	44	43	53	43	69
481	Xã Yết Kiêu	TH Yết Kiêu	619	112	117	128	110	152

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (GD THCS)
(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	TỔNG SỐ		309.550	75.060	74.892	88.507	71.091
1	Trường PT có cấp THCS	PT Hermann Gmeiner	292	72	75	81	64
2	Trường PT có cấp THCS	THCS-THPT FPT	612	83	135	220	174
3	Trường PT có cấp THCS	THCS-THPT Marie Curie	677	182	204	177	114
4	Trường PT có cấp THCS	THCS-THPT Marie Curie II	235	123	89	23	
5	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	102	37	31	15	19
6	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Dewey	293	79	71	80	63
7	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Ngôi Sao Hải Phòng	67	36	20	11	
8	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	136	43	35	44	14
9	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản Hải Dương	60	60			
10	Trường PT có cấp THCS	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	895	228	229	244	194
11	Đặc khu Cát Hải	THCS Thị trấn Cát Bà	890	201	249	244	196
12	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Đoàn Đức Thái	369	93	69	108	99
13	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Gia Luận	31	10	7	11	3
14	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hà Sen	105	28	23	34	20
15	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hiền Hào	18	5	5	3	5
16	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Hoàng Châu	121	28	30	36	27
17	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Nghĩa Lộ	195	48	56	52	39
18	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Phù Long	130	28	41	32	29
19	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Văn Phong	137	36	27	41	33
20	Đặc khu Cát Hải	TH-THCS Xuân Đám	37	7	10	15	5
21	Phường Ái Quốc	THCS Ái Quốc	704	182	158	205	159
22	Phường Ái Quốc	THCS Quyết Thắng	646	171	153	195	127
23	Phường An Biên	THCS Lê Chân	1.154	234	276	365	279
24	Phường An Biên	THCS Nguyễn Bá Ngọc	1.766	370	399	534	463
25	Phường An Biên	THCS Vinh Niệm	1.221	335	280	355	251
26	Phường An Biên	THCS Võ Thị Sáu	2.054	494	482	592	486
27	Phường An Biên	TH-THCS Việt Anh	45	14	9	12	10
28	Phường An Dương	THCS An Dương	1.569	397	380	435	357
29	Phường An Dương	THCS Bắc Sơn	703	165	180	205	153
30	Phường An Dương	THCS Đặng Cương	764	190	193	219	162
31	Phường An Dương	THCS Lê Lợi	502	110	128	153	111
32	Phường An Dương	THCS Nam Sơn	1.228	293	297	363	275
33	Phường An Dương	THCS Quốc Tuấn	546	118	115	160	153
34	Phường An Dương	THCS Tân Tiến	1.271	304	298	375	294
35	Phường An Hải	THCS An Đồng	995	225	240	297	233
36	Phường An Hải	THCS Đồng Thái	947	221	232	276	218
37	Phường An Hải	THCS Hồng Thái	806	170	220	233	183
38	Phường An Phong	THCS An Hòa	1.008	237	226	300	245

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
39	Phường An Phong	THCS Hồng Phong	1.025	246	240	293	246
40	Phường An Phong	THCS Lê Thiện	804	187	206	228	183
41	Phường Bắc An Phụ	THCS Bạch Đằng	532	137	131	136	128
42	Phường Bắc An Phụ	THCS Lê Ninh	476	117	123	135	101
43	Phường Bắc An Phụ	THCS Thất Hùng	475	125	114	132	104
44	Phường Bạch Đằng	THCS Minh Đức	883	189	211	260	223
45	Phường Bạch Đằng	THCS Minh Tân	851	202	216	272	161
46	Phường Bạch Đằng	THCS Ngũ Lão	1.179	295	265	348	271
47	Phường Bạch Đằng	THCS Trần Nhật Duật	771	178	184	252	157
48	Phường Chí Linh	THCS Cổ Thành	530	152	123	149	106
49	Phường Chí Linh	THCS Phả Lại	1.248	306	314	372	256
50	Phường Chí Linh	TH-THCS Nhân Huệ	232	56	58	74	44
51	Phường Chu Văn An	THCS Chí Minh	994	237	218	301	238
52	Phường Chu Văn An	THCS Sao Đỏ	1.232	289	277	379	287
53	Phường Chu Văn An	THCS Văn An	615	135	150	184	146
54	Phường Chu Văn An	TH-THCS Thái Học	275	65	80	69	61
55	Phường Đồ Sơn	THCS Ngọc Hải	543	162	110	134	137
56	Phường Đồ Sơn	THCS Vạn Sơn	761	180	174	215	192
57	Phường Đồ Sơn	TH-THCS Vạn Hương	323	68	73	108	74
58	Phường Đông Hải	THCS Đông Hải	2.290	527	534	565	664
59	Phường Đông Hải	THCS Nam Hải	679	154	141	194	190
60	Phường Đông Hải	TH-THCS Đông Hải 2	723	228	217	278	
61	Phường Dương Kinh	THCS Hải Thành	765	177	181	216	191
62	Phường Dương Kinh	THCS Hòa Nghĩa	942	222	202	298	220
63	Phường Dương Kinh	TH-THCS Tân Thành	485	98	113	161	113
64	Phường Gia Viên	THCS An Đà	1.386	323	332	412	319
65	Phường Gia Viên	THCS Chu Văn An	2.897	764	709	770	654
66	Phường Gia Viên	THCS Lê Hồng Phong	1.234	226	276	410	322
67	Phường Gia Viên	THCS Lý Tự Trọng	422	71	100	140	111
68	Phường Hải An	THCS Đằng Hải	2.154	530	532	604	488
69	Phường Hải An	THCS Đằng Lâm	2.351	591	520	705	535
70	Phường Hải An	THCS Lê Lợi	2.657	633	621	772	631
71	Phường Hải An	THCS Tràng Cát	967	259	229	240	239
72	Phường Hải Dương	THCS Ngô Gia Tự	1.035	240	261	310	224
73	Phường Hải Dương	THCS Ngọc Châu	1.877	439	471	536	431
74	Phường Hải Dương	THCS Trần Hưng Đạo	516	113	114	153	136
75	Phường Hòa Bình	THCS An Lư	1.104	246	257	339	262
76	Phường Hòa Bình	THCS Hòa Bình	980	208	219	288	265
77	Phường Hòa Bình	THCS Nguyễn Văn Cừ	1.359	347	324	382	306
78	Phường Hồng An	THCS An Hồng	1.119	273	252	345	249
79	Phường Hồng An	THCS An Hưng	1.077	243	269	325	240
80	Phường Hồng An	THCS Đại Bản	1.550	391	342	461	356
81	Phường Hồng An	THCS Quán Toan	1.097	250	248	319	280
82	Phường Hồng Bàng	THCS Bạch Đằng	1.152	277	285	320	270
83	Phường Hồng Bàng	THCS Hồng Bàng	2.791	671	650	807	663
84	Phường Hồng Bàng	THCS Hùng Vương	1.002	223	252	298	229
85	Phường Hồng Bàng	THCS Ngô Gia Tự	1.355	289	313	403	350
86	Phường Hồng Bàng	THCS Trần Văn Ơn	606	137	148	170	151
87	Phường Hưng Đạo	THCS Anh Dũng	701	152	176	199	174
88	Phường Hưng Đạo	THCS Đa Phúc	952	218	199	296	239
89	Phường Hưng Đạo	THCS Hưng Đạo	1.008	227	253	287	241
90	Phường Kiến An	THCS Bắc Sơn	823	201	188	236	198
91	Phường Kiến An	THCS Đồng Hoà	1.438	348	343	414	333

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
92	Phường Kiến An	THCS Nam Hà	923	215	232	270	206
93	Phường Kiến An	THCS Trần Hưng Đạo	716	174	160	214	168
94	Phường Kinh Môn	THCS An Lưu	413	100	107	118	88
95	Phường Kinh Môn	THCS Hiệp An	622	136	163	186	137
96	Phường Kinh Môn	THCS Long Xuyên	398	92	101	110	95
97	Phường Kinh Môn	THCS Phạm Sư Mạnh	524	136	126	131	131
98	Phường Lê Chân	THCS Dư Hàng Kênh	1.277	279	300	400	298
99	Phường Lê Chân	THCS Hoàng Diệu	945	203	228	268	246
100	Phường Lê Chân	THCS Ngô Quyền	2.773	661	683	845	584
101	Phường Lê Chân	THCS Tô Hiệu	2.463	566	614	684	599
102	Phường Lê Chân	THCS Trần Phú	3.179	820	702	890	767
103	Phường Lê Chân	THCS Trương Công Định	1.278	270	276	342	390
104	Phường Lê Chân	TH-THCS Hữu Nghị Quốc tế	121	30	23	44	24
105	Phường Lê Đại Hành	THCS An Lạc	414	113	97	101	103
106	Phường Lê Đại Hành	THCS Đồng Lạc	501	127	120	129	125
107	Phường Lê Đại Hành	THCS Tân Dân	578	152	130	176	120
108	Phường Lê Ích Mộc	THCS Cao Nhân	700	168	166	196	170
109	Phường Lê Ích Mộc	THCS Chính Mỹ	797	187	204	234	172
110	Phường Lê Ích Mộc	THCS Hợp Thành	652	170	128	210	144
111	Phường Lê Ích Mộc	THCS Mỹ Đồng	625	169	127	188	141
112	Phường Lê Ích Mộc	THCS Quảng Thanh	905	211	213	259	222
113	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Bình Minh	1.519	358	330	418	413
114	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Chu Văn An	403	79	88	130	106
115	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Lê Hồng Phong	957	188	216	339	214
116	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Lê Quý Đôn	862	238	203	210	211
117	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Tân Bình	2.520	675	586	725	534
118	Phường Lê Thanh Nghị	THCS Võ Thị Sáu	1.731	465	391	469	406
119	Phường Lưu Kiếm	THCS Liên Khê	956	223	261	256	216
120	Phường Lưu Kiếm	THCS Lưu Kiếm	1.223	329	287	343	264
121	Phường Lưu Kiếm	THCS Trần Hưng Đạo	1.302	298	305	392	307
122	Phường Nam Đồ Sơn	THCS Bàng La	648	160	155	198	135
123	Phường Nam Đồ Sơn	THCS Hợp Đức	1.141	299	245	306	291
124	Phường Nam Đồng	THCS Nam Đồng	598	145	128	172	153
125	Phường Nam Đồng	THCS Tiền Tiến	931	238	235	237	221
126	Phường Nam Triệu	THCS Lập Lễ	983	256	253	248	226
127	Phường Nam Triệu	THCS Phả Lễ	489	117	118	152	102
128	Phường Nam Triệu	THCS Phục Lễ	562	138	116	187	121
129	Phường Nam Triệu	THCS Tam Hưng	514	108	122	143	141
130	Phường Ngô Quyền	THCS Đà Nẵng	1.775	395	368	536	476
131	Phường Ngô Quyền	THCS Lạc Viên	1.583	372	376	442	393
132	Phường Ngô Quyền	THCS Quang Trung	1.164	283	245	361	275
133	Phường Nguyễn Đại Nãng	THCS Hiến Thành	878	215	210	257	196
134	Phường Nguyễn Đại Nãng	THCS Minh Hòa	711	160	184	195	172

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
135	Phường Nguyễn Đại Nãng	THCS Thái Thịnh	581	140	155	174	112
136	Phường Nguyễn Trãi	THCS Nguyễn Trãi	968	228	221	301	218
137	Phường Nguyễn Trãi	TH-THCS Hoa Thám	157	48	38	47	24
138	Phường Nhị Chiểu	THCS Duy Tân	575	132	152	162	129
139	Phường Nhị Chiểu	THCS Hoàn Sơn	278	70	61	75	72
140	Phường Nhị Chiểu	THCS Minh Tân	1.105	268	224	323	290
141	Phường Nhị Chiểu	THCS Phú Thứ	681	153	161	196	171
142	Phường Nhị Chiểu	THCS Tân Dân	327	79	78	93	77
143	Phường Phạm Sư Mạnh	THCS An Sinh	522	131	131	136	124
144	Phường Phạm Sư Mạnh	THCS Hiệp Sơn	675	155	170	201	149
145	Phường Phạm Sư Mạnh	THCS Phạm Thái	516	89	149	145	133
146	Phường Phù Liễn	THCS Bắc Hà	742	171	203	194	174
147	Phường Phù Liễn	THCS Lương Khánh Thiện	2.005	483	484	552	486
148	Phường Phù Liễn	THCS Trần Phú	1.874	433	436	549	456
149	Phường Tân Hưng	THCS Hải Tân	843	193	190	256	204
150	Phường Tân Hưng	THCS Ngọc Sơn	490	95	120	153	122
151	Phường Tân Hưng	THCS Tân Hưng	451	117	111	114	109
152	Phường Thạch Khê	THCS Gia Xuyên	728	166	207	185	170
153	Phường Thạch Khê	THCS Liên Hồng	841	220	190	227	204
154	Phường Thạch Khê	THCS Thạch Khê	739	177	173	208	181
155	Phường Thành Đông	THCS An Thượng	535	126	134	149	126
156	Phường Thành Đông	THCS Bình Hàn	1.136	264	262	350	260
157	Phường Thành Đông	THCS Cẩm Thượng	431	105	98	129	99
158	Phường Thành Đông	THCS Newton	82	42	15	25	
159	Phường Thành Đông	THCS Trần Phú	525	121	132	158	114
160	Phường Thiên Hương	THCS Hoàng Động	614	154	163	167	130
161	Phường Thiên Hương	THCS Kiền Bái	984	229	215	310	230
162	Phường Thiên Hương	THCS Lâm Động	522	120	115	155	132
163	Phường Thiên Hương	THCS Thiên Hương	882	210	201	264	207
164	Phường Thủy Nguyên	THCS Dương Quan	695	175	175	195	150
165	Phường Thủy Nguyên	THCS Hoa Động	810	198	193	242	177
166	Phường Thủy Nguyên	THCS Lê Ích Mộc	1.697	402	418	500	377
167	Phường Thủy Nguyên	THCS Tân Dương	674	174	146	198	156
168	Phường Thủy Nguyên	THCS Thủy Đường	1.027	257	254	298	218
169	Phường Trần Hưng Đạo	THCS Chu Văn An	984	222	252	253	257
170	Phường Trần Hưng Đạo	THCS Cộng Hòa	1.126	269	272	314	271
171	Phường Trần Hưng Đạo	THCS Hưng Đạo	316	101	70	85	60
172	Phường Trần Hưng Đạo	THCS Lê Lợi	535	132	124	137	142
173	Phường Trần Liễu	THCS An Phụ	760	183	194	215	168
174	Phường Trần Liễu	THCS Hiệp Hòa	504	109	147	130	118
175	Phường Trần Liễu	THCS Thượng Quận	412	93	96	130	93
176	Phường Trần Nhân Tông	THCS Hoàng Tiến	537	122	137	161	117

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
177	Phường Trần Nhân Tông	THCS Văn Đức	627	155	157	185	130
178	Phường Trần Nhân Tông	TH-THCS Hoàng Tân	430	92	125	126	87
179	Phường Tứ Minh	THCS Cẩm Đoài	367	87	114	83	83
180	Phường Tứ Minh	THCS Nguyễn Huệ	645	157	158	159	171
181	Phường Tứ Minh	THCS Tứ Minh	1.264	312	303	352	297
182	Phường Việt Hòa	THCS Cao An	739	198	185	182	174
183	Phường Việt Hòa	THCS Lai Cách	970	236	240	287	207
184	Phường Việt Hòa	THCS Việt Hòa	619	141	157	187	134
185	Xã An Hưng	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	790	184	196	207	203
186	Xã An Hưng	TH-THCS Chiến Thắng	553	130	135	155	133
187	Xã An Hưng	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	455	100	119	121	115
188	Xã An Khánh	THCS Mỹ Đức	1.013	230	233	288	262
189	Xã An Khánh	THCS Tân Viên	734	162	163	199	210
190	Xã An Khánh	THCS Thái Sơn	830	184	205	237	204
191	Xã An Lão	THCS An Tiến	725	159	164	235	167
192	Xã An Lão	THCS Lương Khánh Thiện	803	202	197	232	172
193	Xã An Lão	THCS Tân Thắng	1.178	292	287	335	264
194	Xã An Lão	THCS Trường Sơn	769	195	177	220	177
195	Xã An Phú	THCS An Bình	549	108	146	164	131
196	Xã An Phú	THCS An Lâm	595	143	137	161	154
197	Xã An Phú	THCS Cộng Hòa	882	212	227	233	210
198	Xã An Phú	TH-THCS Phú Điền	329	80	77	103	69
199	Xã An Quang	THCS Quang Trung	673	148	154	197	174
200	Xã An Quang	THCS Quốc Tuấn	742	171	176	214	181
201	Xã An Quang	TH-THCS Quang Hưng	484	125	121	123	115
202	Xã An Thành	THCS Kim Đính	640	166	136	186	152
203	Xã An Thành	THCS Kim Tân	723	179	161	201	182
204	Xã An Thành	THCS Ngũ Phúc	486	118	115	137	116
205	Xã An Trường	THCS Bát Trang	741	175	177	225	164
206	Xã An Trường	THCS Trường Thọ	822	225	186	219	192
207	Xã An Trường	TH-THCS Trường Thành	452	117	118	137	80
208	Xã Bắc Thanh Miện	THCS Hồng Quang	685	165	181	195	144
209	Xã Bắc Thanh Miện	THCS Lam Sơn	448	121	112	120	95
210	Xã Bắc Thanh Miện	THCS Lê Hồng	379	91	103	101	84
211	Xã Bình Giang	THCS Cổ Bì	515	142	123	132	118
212	Xã Bình Giang	THCS Hồng Khê	479	113	103	146	117
213	Xã Bình Giang	THCS Long Xuyên	535	145	122	138	130
214	Xã Bình Giang	THCS Tân Việt	497	120	109	166	102
215	Xã Cẩm Giang	THCS Cẩm Giang	771	208	195	212	156
216	Xã Cẩm Giang	THCS Cẩm Hoàng	601	146	145	174	136
217	Xã Cẩm Giang	THCS Định Sơn	743	179	188	213	163
218	Xã Cẩm Giang	THCS Thạch Lỗi	227	56	61	51	59
219	Xã Cẩm Giàng	THCS Cẩm Hưng	526	131	146	156	93
220	Xã Cẩm Giàng	THCS Lương Điền	978	227	217	294	240
221	Xã Cẩm Giàng	THCS Ngọc Liên	682	162	169	203	148
222	Xã Chấn Hưng	THCS Chấn Hưng	794	202	195	238	159
223	Xã Chấn Hưng	THCS Đông Tây Hưng	829	199	207	216	207
224	Xã Chí Minh	THCS An Thanh	658	174	172	177	135
225	Xã Chí Minh	THCS Chí Minh	615	130	136	186	163

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
226	Xã Chí Minh	THCS Văn Tố	573	150	145	145	133
227	Xã Đại Sơn	THCS Bình Lãng	298	72	76	92	58
228	Xã Đại Sơn	THCS Đại Sơn	709	180	188	183	158
229	Xã Đại Sơn	THCS Hưng Đạo	801	203	184	232	182
230	Xã Đường An	THCS Tân Hồng	459	121	106	130	102
231	Xã Đường An	THCS Thái Minh	751	197	155	209	190
232	Xã Đường An	THCS Thúc Kháng	425	112	93	145	75
233	Xã Đường An	THCS Vũ Hữu	694	161	173	180	180
234	Xã Đường An	TH-THCS Thái Minh	400	94	105	131	70
235	Xã Gia Lộc	THCS Gia Khánh	471	106	109	134	122
236	Xã Gia Lộc	THCS Gia Lương	372	81	105	105	81
237	Xã Gia Lộc	THCS Gia Tân	273	68	77	64	64
238	Xã Gia Lộc	THCS Lê Thanh Nghị	544	136	135	138	135
239	Xã Gia Lộc	THCS Tân Tiến	312	72	80	95	65
240	Xã Gia Lộc	THCS Thị trấn Gia Lộc	1.359	327	303	401	328
241	Xã Gia Phúc	THCS Đoàn Thượng	399	95	93	131	80
242	Xã Gia Phúc	THCS Hoàng Diệu	590	152	147	164	127
243	Xã Gia Phúc	THCS Hồng Hưng	592	132	152	169	139
244	Xã Gia Phúc	THCS Thống Kênh	534	132	145	145	112
245	Xã Gia Phúc	THCS Toàn Thắng	490	135	110	136	109
246	Xã Hà Bắc	THCS Cẩm Chế	481	114	123	130	114
247	Xã Hà Bắc	THCS Hồng Lạc	791	187	197	203	204
248	Xã Hà Bắc	THCS Tân Việt	679	179	156	183	161
249	Xã Hà Bắc	THCS Việt Hồng	308	81	71	86	70
250	Xã Hà Đông	THCS Thanh Cường	343	82	91	90	80
251	Xã Hà Đông	THCS Thanh Hồng	517	131	130	134	122
252	Xã Hà Đông	THCS Thanh Quang	707	174	187	194	152
253	Xã Hà Đông	THCS Vĩnh Lập	388	106	76	117	89
254	Xã Hà Nam	THCS Liên Mạc	480	123	144	117	96
255	Xã Hà Nam	THCS Thanh An	389	94	111	103	81
256	Xã Hà Nam	THCS Thanh Lang	363	96	90	85	92
257	Xã Hà Nam	THCS Thanh Xuân	368	102	95	86	85
258	Xã Hà Tây	THCS An Phượng	772	190	207	203	172
259	Xã Hà Tây	THCS Tân An	438	108	107	134	89
260	Xã Hà Tây	THCS Thanh Hải	1.051	267	279	294	211
261	Xã Hải Hưng	THCS Đoàn Kết	646	160	161	185	140
262	Xã Hải Hưng	THCS Ngô Quyền	576	146	153	157	120
263	Xã Hải Hưng	THCS Tân Trào	560	125	151	154	130
264	Xã Hồng Châu	THCS Hưng Long	294	75	73	71	75
265	Xã Hồng Châu	THCS Hưng Thái	329	71	84	101	73
266	Xã Hồng Châu	THCS Tân Quang	371	92	87	104	88
267	Xã Hồng Châu	THCS Tân Quang II	472	141	99	128	104
268	Xã Hồng Châu	THCS Văn Giang	363	82	95	98	88
269	Xã Hồng Châu	THCS Văn Hội	278	67	79	85	47
270	Xã Hợp Tiến	THCS Hợp Tiến	510	122	132	153	103
271	Xã Hợp Tiến	THCS Mạc Thị Bưởi	349	97	84	103	65
272	Xã Hợp Tiến	THCS Nam Hưng	335	71	83	106	75
273	Xã Hùng Thắng	THCS Hùng Thắng	815	215	192	239	169
274	Xã Hùng Thắng	THCS Vinh Quang	800	185	209	253	153
275	Xã Kẻ Sặt	THCS Hùng Thắng	346	93	96	84	73
276	Xã Kẻ Sặt	THCS Kẻ Sặt	1.188	329	286	337	236
277	Xã Kẻ Sặt	THCS Vinh Hồng	802	177	197	244	184
278	Xã Kẻ Sặt	THCS Vinh Hưng	556	115	130	167	144

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
279	Xã Khúc Thừa Dụ	THCS Đông Xuyên	439	108	108	112	111
280	Xã Khúc Thừa Dụ	THCS Hồng Phong	450	116	128	122	84
281	Xã Khúc Thừa Dụ	THCS Hồng Phúc	316	82	79	85	70
282	Xã Khúc Thừa Dụ	THCS Kiến Quốc	478	117	113	133	115
283	Xã Khúc Thừa Dụ	THCS Ninh Hải	492	125	127	138	102
284	Xã Kiến Hải	THCS Đại Hợp	747	186	178	212	171
285	Xã Kiến Hải	THCS Đoàn Xá	755	178	160	245	172
286	Xã Kiến Hải	THCS Tú Sơn	967	222	220	313	212
287	Xã Kiến Hải	TH-THCS Tân Phong	475	107	120	163	85
288	Xã Kiến Hưng	THCS Đại Hà	530	113	134	163	120
289	Xã Kiến Hưng	THCS Ngũ Đoan	711	161	176	215	159
290	Xã Kiến Hưng	THCS Tân Trào	682	154	194	200	134
291	Xã Kiến Minh	THCS Đại Đồng - Đông Phương	1.141	287	271	344	239
292	Xã Kiến Minh	THCS Minh Tân	645	134	162	187	162
293	Xã Kiến Thụy	THCS Hữu Bằng	776	178	193	232	173
294	Xã Kiến Thụy	THCS Thị Trấn Núi Đồi	687	178	173	163	173
295	Xã Kiến Thụy	THCS Thuận Thiên	714	170	161	220	163
296	Xã Kiến Thụy	TH-THCS Thanh Sơn	485	105	100	171	109
297	Xã Kiến Thụy	TH-THCS Thụy Hương	442	91	104	135	112
298	Xã Kim Thành	THCS Bình Dân	362	100	88	96	78
299	Xã Kim Thành	THCS Đại Đức	702	174	168	208	152
300	Xã Kim Thành	THCS Đồng Cẩm	791	192	205	235	159
301	Xã Kim Thành	THCS Liên Hòa	447	96	117	128	106
302	Xã Kim Thành	THCS Tam Kỳ	448	114	117	121	96
303	Xã Lạc Phượng	THCS Cộng Lạc	370	86	86	103	95
304	Xã Lạc Phượng	THCS Phượng Kỳ	266	60	66	77	63
305	Xã Lạc Phượng	THCS Quang Trung	709	177	178	205	149
306	Xã Lạc Phượng	THCS Tiên Động	535	129	116	166	124
307	Xã Lai Khê	THCS Cổ Dũng	559	150	139	137	133
308	Xã Lai Khê	THCS Cộng Hòa	422	100	93	125	104
309	Xã Lai Khê	THCS Lai Vu	513	119	135	143	116
310	Xã Lai Khê	THCS Thượng Vũ	462	108	107	135	112
311	Xã Lai Khê	THCS Tuấn Việt	902	212	229	258	203
312	Xã Mao Điền	THCS Cẩm Điền	458	106	122	118	112
313	Xã Mao Điền	THCS Cẩm Đông	651	182	139	186	144
314	Xã Mao Điền	THCS Cẩm Phúc	787	203	201	200	183
315	Xã Mao Điền	THCS Tân Trường	1.214	300	302	319	293
316	Xã Nam An Phụ	THCS Lạc Long	492	124	107	140	121
317	Xã Nam An Phụ	THCS Quang Thành	709	189	163	194	163
318	Xã Nam An Phụ	THCS Thăng Long	458	107	127	130	94
319	Xã Nam Sách	THCS Đồng Lạc	782	170	200	228	184
320	Xã Nam Sách	THCS Nam Hồng	460	113	107	136	104
321	Xã Nam Sách	THCS Nam Sách	714	176	161	211	166
322	Xã Nam Sách	THCS Nguyễn Trãi	688	161	176	180	171
323	Xã Nam Sách	TH-THCS Hồng Phong	499	126	110	146	117
324	Xã Nam Thanh Miện	THCS Chi Lăng Bắc	509	123	140	147	99
325	Xã Nam Thanh Miện	THCS Chi Lăng Nam	349	81	94	94	80
326	Xã Nam Thanh Miện	THCS Hồng Phong	475	122	124	132	97
327	Xã Nam Thanh Miện	THCS Thanh Giang	574	149	145	162	118
328	Xã Nghi Dương	THCS Kiến Phúc	1.342	342	308	372	320
329	Xã Nghi Dương	TH-THCS Du Lễ	373	104	77	110	82

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
330	Xã Nguyễn Bình Khiêm	THCS Hòa Bình-Trần Dương	1.013	248	248	261	256
331	Xã Nguyễn Bình Khiêm	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	1.096	271	292	289	244
332	Xã Nguyên Giáp	THCS Hà Kỳ	447	124	102	121	100
333	Xã Nguyên Giáp	THCS Hà Thanh	477	138	100	138	101
334	Xã Nguyên Giáp	THCS Nguyên Giáp	757	194	186	198	179
335	Xã Nguyễn Lương Bằng	THCS Đoàn Tùng	564	155	123	152	134
336	Xã Nguyễn Lương Bằng	THCS Nhân Quyền	513	129	128	155	101
337	Xã Nguyễn Lương Bằng	THCS Phạm Kha	610	166	137	181	126
338	Xã Nguyễn Lương Bằng	THCS Thanh Tùng	449	118	121	105	105
339	Xã Ninh Giang	THCS Đồng Tâm	346	86	82	100	78
340	Xã Ninh Giang	THCS Hiệp Lực	394	96	86	116	96
341	Xã Ninh Giang	THCS Hồng Dụ	524	134	125	135	130
342	Xã Ninh Giang	THCS Ninh Giang	314	87	72	85	70
343	Xã Ninh Giang	THCS Thành Nhân	579	166	148	154	111
344	Xã Ninh Giang	THCS Vĩnh Hòa	535	130	147	158	100
345	Xã Phú Thái	THCS Kim Anh	625	143	145	176	161
346	Xã Phú Thái	THCS Kim Liên	890	224	192	275	199
347	Xã Phú Thái	THCS Kim Xuyên	795	189	183	227	196
348	Xã Phú Thái	THCS Phú Thái	868	229	212	217	210
349	Xã Phú Thái	THCS Phúc Thành	322	90	83	83	66
350	Xã Quyết Thắng	THCS Đại Thắng	442	111	103	145	83
351	Xã Quyết Thắng	THCS Tiên Cường	442	115	109	117	101
352	Xã Quyết Thắng	THCS Tự Cường	501	132	148	115	106
353	Xã Tân An	THCS An Đức	380	84	104	100	92
354	Xã Tân An	THCS Hồng Đức	524	121	152	129	122
355	Xã Tân An	THCS Tân Phong	631	148	155	182	146
356	Xã Tân An	THCS Vạn Phúc	319	101	75	77	66
357	Xã Tân Kỳ	THCS Đại Hợp	512	126	129	135	122
358	Xã Tân Kỳ	THCS Dân Chủ	418	109	113	112	84
359	Xã Tân Kỳ	THCS Ngọc Kỳ	250	63	52	76	59
360	Xã Tân Kỳ	THCS Quảng Nghiệp	360	96	83	111	70
361	Xã Tân Kỳ	THCS Tái Sơn	251	53	66	76	56
362	Xã Tân Kỳ	THCS Tân Kỳ	735	201	178	208	148
363	Xã Tân Minh	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	768	184	197	207	180
364	Xã Tân Minh	THCS Đoàn Lập	565	136	146	165	118
365	Xã Tân Minh	THCS Kiến Thiết	712	175	173	198	166
366	Xã Thái Tân	THCS An Sơn	473	112	126	134	101
367	Xã Thái Tân	THCS Thái Tân	544	139	122	161	122
368	Xã Thái Tân	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	305	74	74	90	67
369	Xã Thanh Hà	THCS Chu Văn An	653	179	169	172	133
370	Xã Thanh Hà	THCS Thanh Hà	570	146	140	152	132
371	Xã Thanh Hà	THCS Thanh Khê	390	104	96	96	94
372	Xã Thanh Hà	THCS Thanh Sơn	449	110	100	128	111
373	Xã Thanh Hà	THCS Thanh Thủy	347	89	78	105	75
374	Xã Thanh Hà	THCS Thanh Xá	215	57	50	60	48

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
375	Xã Thanh Miện	THCS Cao Thắng	418	117	113	108	80
376	Xã Thanh Miện	THCS Ngũ Hùng	628	153	157	169	149
377	Xã Thanh Miện	THCS Nguyễn Lương Bằng	677	155	173	186	163
378	Xã Thanh Miện	THCS Thanh Miện	873	218	207	242	206
379	Xã Thanh Miện	THCS Tứ Cường	739	155	187	223	174
380	Xã Thượng Hồng	THCS Bình Xuyên	870	190	231	259	190
381	Xã Thượng Hồng	THCS Thái Dương	392	92	91	107	102
382	Xã Thượng Hồng	TH-THCS Thái Hòa	500	112	137	140	111
383	Xã Tiên Lãng	THCS Khởi Nghĩa	412	99	106	115	92
384	Xã Tiên Lãng	THCS Quyết Tiến	576	139	140	155	142
385	Xã Tiên Lãng	THCS Tiên Lãng	1.238	293	308	390	247
386	Xã Tiên Lãng	THCS Tiên Thanh	416	100	106	110	100
387	Xã Tiên Minh	THCS Quang Phục	770	191	216	211	152
388	Xã Tiên Minh	THCS Tiên Minh	487	124	125	132	106
389	Xã Tiên Minh	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	757	198	171	226	162
390	Xã Trần Phú	THCS Hiệp Cát	546	139	156	155	96
391	Xã Trần Phú	THCS Nam Trung	418	118	93	131	76
392	Xã Trần Phú	THCS Quốc Tuấn	651	185	160	166	140
393	Xã Trần Phú	TH-THCS Nam Chính	275	57	79	80	59
394	Xã Trần Phú	TH-THCS Thanh Quang	367	91	85	119	72
395	Xã Trường Tân	THCS Đồng Quang	433	114	131	108	80
396	Xã Trường Tân	THCS Đức Xương	400	88	109	127	76
397	Xã Trường Tân	THCS Nhật Tân	313	82	76	83	72
398	Xã Trường Tân	THCS Phạm Trấn	371	109	93	89	80
399	Xã Trường Tân	THCS Quang Minh	473	113	126	144	90
400	Xã Tứ Kỳ	THCS Minh Đức	661	159	179	180	143
401	Xã Tứ Kỳ	THCS Phan Bội Châu	755	208	201	175	171
402	Xã Tứ Kỳ	THCS Quang Khải	446	104	118	120	104
403	Xã Tứ Kỳ	THCS Quang Phục	496	122	124	138	112
404	Xã Tứ Kỳ	THCS Tứ Kỳ	862	236	183	257	186
405	Xã Tuệ Tĩnh	THCS Cẩm Văn	581	134	121	178	148
406	Xã Tuệ Tĩnh	THCS Cẩm Vũ	609	136	141	172	160
407	Xã Tuệ Tĩnh	THCS Đức Chính	535	140	119	149	127
408	Xã Việt Khê	THCS Kỳ Sơn	793	182	210	257	144
409	Xã Việt Khê	THCS Lại Xuân	840	179	201	263	197
410	Xã Việt Khê	THCS Phan Chu Trinh	918	198	235	281	204
411	Xã Vĩnh Am	THCS Cổ Am-Vĩnh Tiến	438	102	105	143	88
412	Xã Vĩnh Am	THCS Tam Cường	563	127	159	143	134
413	Xã Vĩnh Bảo	THCS Nguyễn Bình Khiêm	884	213	213	222	236
414	Xã Vĩnh Bảo	THCS Nhân Hòa-Tam Đa	698	160	177	196	165
415	Xã Vĩnh Bảo	THCS Tân Hưng-Thị Trấn	691	170	171	194	156
416	Xã Vĩnh Bảo	THCS Vĩnh Quang-Thanh Lương	726	193	176	187	170
417	Xã Vĩnh Hải	THCS Cộng Hiền	437	108	102	116	111
418	Xã Vĩnh Hải	THCS Đồng Minh	490	127	104	147	112
419	Xã Vĩnh Hải	THCS Tiền Phong-Vĩnh Phong	644	135	192	168	149
420	Xã Vĩnh Hải	TH-THCS Hưng Nhân	178	26	55	66	31

TT	UBND Xã	Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
421	Xã Vĩnh Hòa	THCS An Hòa	537	129	135	159	114
422	Xã Vĩnh Hòa	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	831	227	201	217	186
423	Xã Vĩnh Lại	THCS Nghĩa An	724	177	185	199	163
424	Xã Vĩnh Lại	THCS Ninh Thành	257	58	50	86	63
425	Xã Vĩnh Lại	THCS Quyết Thắng	257	55	78	67	57
426	Xã Vĩnh Lại	THCS Tân Hương	536	135	130	142	129
427	Xã Vĩnh Lại	THCS Ứng Hoè	616	141	149	181	145
428	Xã Vĩnh Thịnh	THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long	684	147	179	211	147
429	Xã Vĩnh Thịnh	THCS Việt Tiến-Trung Lập	1.168	286	292	326	264
430	Xã Vĩnh Thuận	THCS Dũng Tiến	665	155	153	204	153
431	Xã Vĩnh Thuận	THCS Giang Biên	658	174	176	186	122
432	Xã Vĩnh Thuận	THCS Vĩnh An-Tân Liên	1.054	259	262	332	201
433	Xã Yết Kiêu	THCS Gia Hòa	397	85	99	112	101
434	Xã Yết Kiêu	THCS Lê Lợi	548	129	133	169	117
435	Xã Yết Kiêu	THCS Thống Nhất	675	160	151	193	171
436	Xã Yết Kiêu	THCS Yết Kiêu	854	193	194	253	214

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (GD THPT)
 (Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Tên trường	Thuộc địa bàn phường/ xã/ đặc khu	Tổng số	Chia ra		
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	TỔNG SỐ		152.096	52.454	51.989	47.653
1	TH-THCS-THPT Quốc tế Singapore	Phường An Biên				
2	THCS-THPT FPT	Phường Hải An	753	198	276	279
3	TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	Phường Hưng Đạo	89	51	38	
4	THPT An Dương	Phường An Dương	2.903	956	1.041	906
5	THPT An Lão	Xã An Lão	1.853	678	590	585
6	THPT Bạch Đằng	Phường Lưu Kiếm	1.771	636	593	542
7	THPT Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	624	214	214	196
8	THPT Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	408	137	148	123
9	THPT Cộng Hiền	Xã Vĩnh Hải	1.340	508	427	405
10	THPT Đồ Sơn	Phường Đồ Sơn	1.210	362	451	397
11	THPT Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng	1.397	498	495	404
12	THPT Kiến An	Phường Phù Liễn	1.744	542	583	619
13	THPT Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy	1.802	586	630	586
14	THPT Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng	1.730	586	610	534
15	THPT Lê Hồng Phong	Phường Hồng Bàng	1.606	539	535	532
16	THPT Lê Ích Mộc	Xã Việt Khê	1.789	639	617	533
17	THPT Lê Quý Đôn	Phường Hải An	1.911	638	638	635
18	THPT Lý Thường Kiệt	Phường Thủy Nguyên	1.803	676	586	541
19	THPT Mạc Đĩnh Chi	Phường Hưng Đạo	1.872	582	678	612
20	THPT Ngô Quyền	Phường Lê Chân	2.066	678	694	694
21	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nguyễn Bình Khiêm	1.392	458	482	452
22	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải	1.477	499	499	479
23	THPT Nguyễn Trãi	Phường Hồng An	2.691	859	935	897
24	THPT Phạm Ngũ Lão	Phường Bạch Đằng	1.659	588	540	531
25	THPT Đồng Hoà	Phường Kiến An	1.471	494	535	442
26	THPT Quang Trung	Phường Lê Ích Mộc	1.718	633	540	545
27	THPT Thái Phiên	Phường Ngô Quyền	2.090	702	704	684
28	THPT Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng	1.619	545	540	534
29	THPT Toàn Thắng	Xã Tiên Minh	1.381	462	481	438
30	THPT Tô Hiệu	Xã Vĩnh Thịnh	1.350	503	410	437
31	THPT Trần Hưng Đạo	Xã An Hưng	1.684	629	561	494
32	THPT Trần Nguyên Hãn	Phường An Biên	1.955	679	648	628
33	THPT Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo	1.617	585	500	532
34	THPT Quốc Tuấn	Xã An Quang	1.386	452	534	400
35	THPT Thụy Hương	Xã Kiến Thụy	1.575	542	537	496
36	THPT Hải An	Phường Hải An	1.876	630	629	617

37	TH-THCS-THPT Lý Thái Tổ	Phường An Biên	814	344	287	183
38	THCS-THPT Lý Thánh Tông	Phường Đồ Sơn	517	188	203	126
39	PT Hermann Gmeiner	Phường Đông Hải	568	178	216	174
40	THPT Phan Đăng Lưu	Phường Phù Liễn	818	292	305	221
41	THPT Lê Chân	Phường An Biên	1.741	624	589	528
42	THPT Thủy Sơn	Phường Thủy Nguyên	1.480	543	491	446
43	THPT Nữ Văn Lan	Xã Tiên Lãng	1.386	542	448	396
44	THPT Nguyễn Khuyến	Xã Vĩnh Bảo	1.353	456	451	446
45	THPT Marie Curie	Phường Gia Viên	1.189	268	535	386
46	THPT Tân An	Phường An Dương	946	350	353	243
47	THPT 25 - 10	Phường Thủy Nguyên	1.103	438	380	285
48	THPT An Hải	Phường An Dương	1.534	574	492	468
49	THPT Hàng Hải	Phường Lê Chân	734	269		465
50	THPT Nguyễn Huệ	Xã Kiến Thụy	1.495	639	516	340
51	THPT Lương Thế Vinh	Phường Hồng Bàng	931	195	366	370
52	PT Anhtanh	Phường Ngô Quyền	1.193	344	422	427
53	THPT Nam Triệu	Phường Nam Triệu	1.599	531	592	476
54	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Phường Hồng Bàng	45			45
55	THPT Phan Chu Trinh	Phường Hải An	924	238	347	339
56	THPT Thăng Long	Phường Gia Viên	994	304	341	349
57	THPT Trần Tất Văn	Xã An Lão	1.091	426	347	318
58	THPT Lương Khánh Thiện	Phường Hồng Bàng	434	125	131	178
59	THPT Tân Trào	Xã An Khánh	410	1	213	196
60	THPT Hùng Vương	Phường Đông Hải	100			100
61	THPT Quảng Thanh	Phường Lê Ích Mộc	683	250	242	191
62	THPT Hàng Hải 1	Phường Kiến An	758	263	258	237
63	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	Phường Hồng Bàng	506	194	175	137
64	THPT Hữu nghị Quốc tế	Phường Lê Chân	374	125	128	121
65	TH-THCS-THPT Edison	Phường Kiến An	1.115	378	376	361
66	TH-THCS-THPT Dewey	Phường Hưng Đạo	95	24	35	36
67	THPT chuyên Trần Phú	Phường Hải An	1.951	629	626	696
68	TH-THCS-THPT Nam Hải Dương	Phường Thạch Khôi	619	382	237	
69	TH-THCS-THPT Hưng Phát	Xã Cẩm Giàng	735	376	359	
70	THPT Nguyễn Thị Duệ	Phường Chu Văn An	724	379	345	
71	THCS-THPT Marie Curie II	Phường Lê Thanh Nghị	558	288	270	
72	TH-THCS-THPT Trí Đức	Phường Trần Hưng Đạo	256	176	80	
73	THPT Nguyễn Du	Phường Lê Thanh Nghị	1.052	334	360	358

74	THPT Hồng Quang	Phường Lê Thanh Nghị	1.553	515	521	517
75	THPT Nguyễn Văn Cừ	Phường Hải Dương	2.019	661	686	672
76	THPT Thành Đông	Phường Lê Thanh Nghị	608	167	169	272
77	THPT Chí Linh	Phường Chu Văn An	1.532	505	510	517
78	THPT Phả Lại	Phường Chí Linh	888	302	294	292
79	THPT Trần Phú	Phường Chu Văn An	1.018	337	338	343
80	THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	Xã Trần Phú	841	292	266	283
81	THPT Nam Sách	Xã Nam Sách	1.553	511	520	522
82	THPT Nam Sách II	Xã An Phú	1.011	335	346	330
83	THPT Hà Bắc	Xã Hà Bắc	888	292	302	294
84	THPT Hà Đông	Xã Hà Đông	836	296	274	266
85	THPT Thanh Hà	Xã Thanh Hà	1.404	467	471	466
86	THPT Thanh Bình	Xã Thanh Hà	1.110	377	367	366
87	THPT Nhị Chiểu	Phường Nhị Chiểu	888	294	297	297
88	THPT Kinh Môn	Phường Kinh Môn	1.282	426	432	424
89	THPT Phúc Thành	Xã Nam An Phụ	901	297	300	304
90	THPT Đồng Gia	Xã Kim Thành	769	254	261	254
91	THPT Kim Thành	Xã Phú Thái	1.379	453	464	462
92	THPT Kim Thành II	Xã Phú Thái	1.125	380	376	369
93	THPT Gia Lộc	Xã Gia Lộc	1.517	505	512	500
94	THPT Đoàn Thượng	Xã Gia Phúc	891	300	295	296
95	THPT Gia Lộc II	Xã Gia Lộc	1.135	374	386	375
96	THPT Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ	1.525	507	509	509
97	THPT Cầu Xe	Xã Lạc Phượng	888	297	292	299
98	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn	984	335	330	319
99	THPT Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	1.396	469	464	463
100	THPT Tuệ Tĩnh	Xã Tuệ Tĩnh	886	298	293	295
101	THPT Cẩm Giàng II	Xã Mao Điền	1.244	422	424	398
102	THPT Bình Giang	Xã Đường An	1.031	338	346	347
103	THPT Kê Sắt	Xã Kê Sắt	898	304	298	296
104	THPT Đường An	Xã Đường An	1.128	379	375	374
105	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện	1.162	383	394	385
106	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện	881	300	293	288
107	THPT Thanh Miện III	Xã Thanh Miện	1.114	377	373	364
108	THPT Ninh Giang	Xã Ninh Giang	1.533	512	508	513
109	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Xã Hồng Châu	1.000	336	333	331
110	THPT Khúc Thừa Dụ	Xã Vĩnh Lại	1.011	338	335	338
111	THPT Ninh Giang II	Xã Ninh Giang	1.290	478	405	407
112	THPT Kinh Môn II	Phường Phạm Sư Mạnh	1.230	423	412	395
113	THPT Bến Tắm	Phường Nguyễn Trãi	988	344	321	323
114	THPT Trần Quang Khải	Phường Nhị Chiểu	597	234	212	151
115	THPT Quang Thành	Xã Nam An Phụ	906	327	367	212
116	THPT Phú Thái	Xã Phú Thái	1.832	649	734	449
117	THPT Tứ Kỳ II	Xã Tứ Kỳ	1.609	657	558	394

118	THPT Hồng Đức	Xã Tân An	1.380	513	493	374
119	THPT Ái Quốc	Phường Ái Quốc	869	305	303	261
120	THPT Phan Bội Châu	Xã Nam Sách	1.624	636	584	404
121	THPT Lương Thế Vinh - Hải Dương	Phường Thạch Khê	2.180	773	720	687
122	THCS-THPT Marie Curie	Phường Tân Hưng	1.330	446	604	280
123	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn	Xã Nguyễn Lương Bằng	1.813	727	654	432
124	THPT Vũ Ngọc Phan	Xã Kê Sặt	1.449	528	479	442
125	THPT Chu Văn An	Phường Lê Thanh Nghị	1.305	451	373	481
126	THPT Sao Đỏ	Phường Tứ Minh	255			255
127	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Phường Lê Thanh Nghị	1.157	381	381	395
128	TH-THCS-THPT Ngôi Sao Hải Phòng	Phường Lê Chân				
129	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản Hải Dương	Phường Tân Hưng	16	16		

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (GDTX)
 (Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Đơn vị	Tổng số	Bổ túc THPT							
			Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
	TỔNG SỐ	28.075	19	0,07	10.025	35,71	9.509	33,87	8.522	30,35
1	TT GDTX Hải Phòng	9.842	19	0,19	3.287	33,40	3.569	36,26	2.967	30,15
2	THPT Sao Đỏ (Hệ GDTX)	853			11	1,29	14	1,64	828	97,07
3	TH-THCS-THPT Trí Đức (Hệ GDTX)	2.453			1.341	54,67	1.112	45,33		
4	Cao đẳng cơ giới xây dựng	515			222	43,11	154	29,90	139	26,99
5	Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ, Tin học tỉnh Hải Dương	155			42	27,10	57	36,77	56	36,13
6	TT GDNN-GDTX Bình Giang	524			185	35,31	195	37,21	144	27,48
7	TT GDNN-GDTX Cẩm Giàng	919			325	35,36	286	31,12	308	33,51
8	TT GDNN-GDTX Chí Linh	1.262			359	28,45	416	32,96	487	38,59
9	TT GDNN-GDTX Gia Lộc	1.412			451	31,94	524	37,11	437	30,95
10	TT GDNN-GDTX Hải Dương	1.069			574	53,70	226	21,14	269	25,16
11	TT GDNN-GDTX Kim Thành	1.023			224	21,90	266	26,00	533	52,10
12	TT GDNN-GDTX Kinh Môn	1.215			442	36,38	424	34,90	349	28,72
13	TT GDNN-GDTX Nam Sách	994			226	22,74	387	38,93	381	38,33
14	TT GDNN-GDTX Ninh Giang	1.194			428	35,85	428	35,85	338	28,31
15	TT GDNN-GDTX Thanh Hà	1.054			263	24,95	455	43,17	336	31,88
16	TT GDNN-GDTX Thanh Miện	894			241	26,96	341	38,14	312	34,90
17	TT GDNN-GDTX Tứ Kỳ	1.350			486	36,00	436	32,30	428	31,70
18	TC Văn hóa - Nghệ thuật - Du lịch	684			255	37,28	219	32,02	210	30,70
19	TT GDNN-GDTX Lương Khánh Thiện	433			433	#####				
20	TT GDTX Đất Cảng	192			192	#####				
21	TT GDTX Bách Nghệ	38			38	#####				

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (TRUNG TÂM GDNN)
(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Tên cơ sở	Cơ quan chủ quản	Địa chỉ	Loại hình			
				Công lập	Tư thực	Địa phương	Trung ương
	TỔNG			3	11	13	1
I	Tây Hải Phòng			2	6	7	1
1	Trung tâm GDNN Sao Đỏ	Bộ Công Thương	Km 78, Quốc lộ 37, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng	1			1
2	Trung tâm GDNN và Sát hạch lái xe Việt Đức		Số 115, Ng Văn Trỗi, Xã Nam Sách, TP Hải Phòng		1	1	
3	Trung tâm GDNN và Sát hạch xe Lập Phương Thành	Công ty CPTM và sản xuất Lập Phương Thành	822 Đại lộ Lê Thanh Nghị, Phường Tân Hưng, TP Hải Phòng		1	1	
4	Trung tâm GDNN và Sát hạch lái xe Kim Thành		Thôn Dưỡng Thái, Xã Phú Thái, TP Hải Phòng		1	1	
5	Trung tâm GDNN Đào tạo lái xe Thịnh Vượng 66	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thịnh Vượng 66	Khu Bến Hàn, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng		1	1	
6	Trung tâm GDNN và SHLX Thanh Miện	Công ty CP Đầu tư và phát triển Thanh Miện	Xã Thanh Miện, TP Hải Phòng		1	1	
7	Trung tâm GDNN An Phát	Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Xã Nam Sách, TP Hải Phòng		1	1	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đường An Định, Phường Việt Hòa, TP Hải Phòng	1		1	
II	Đông Hải Phòng			1	5	6	0
1	TT GDNN Giao thông vận tải Hải Phòng	Sở Giao thông vận tải	514 Trần Nhân Tông, P. Kiến An, Hải Phòng	1		1	
2	TTGDNN lái xe Nam Triệu		TDP Lương Đường - P Hoà Bình - Hải Phòng		1	1	
3	TTGDNN lái xe Hoàng Phương		Đường Mạc Đăng Doanh - P. Hưng Đạo - TP Hải Phòng		1	1	
4	TTGDNN Hoàng Dương	Cty TNHH Xuân Huy	TDP Cái Tắt - P An Hải - Hải Phòng		1	1	
5	TTGDNN Nam Sơn	CTy CP vận tải Ô tô số 1	Số 150 đường Hà Nội, P. Hồng Bàng, TP Hải Phòng		1	1	
6	TT GDNN Bảo vệ Việt Thắng	Công ty TNHH DVBV Việt Thắng	Số 156/109 đường Trường Chinh, phường Kiến An, TP Hải Phòng		1	1	

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (TRƯỜNG TRUNG CẤP)
(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Tên cơ sở	Cơ quan chủ quản	Địa chỉ	Loại hình			
				Công lập	Tư thực	Địa phương	Trung ương
	TỔNG			3	10	12	1
I	Tây Hải Phòng			0	4	4	0
1	Trường Trung cấp Ngoại ngữ Kỹ thuật và Công nghệ		Số 189 Nguyễn Lương Bằng, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng		1	1	
2	Trường trung cấp nghề công nghệ cao Việt Đức		Số 6 Lê Thanh Nghị, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng		1	1	
3	Trường TCN ViệtNam-Canada		Cộng Hòa, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng		1	1	
4	Trường TCN CNT		Lô 20-Ô11+12-Vạn Lộc-Tây Nam Cường-P.Tứ Minh, TP Hải Phòng		1	1	
II	Đông Hải Phòng			3	6	8	1
1	TC Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- 36 Hào Khê, P. Hải An, TP Hải Phòng; - Số 41 Hai Bà Trưng, P. Lê Chân, TP Hải Phòng; - Số 30, Tổng Duy Tân, P. Hải Dương, TP Hải Phòng	1		1	
2	TC Kỹ thuật Nghiệp vụ Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	159 Phương Khê - P. Kiến An - Hải Phòng	1		1	
3	TCN Kỹ thuật xi măng	Viện Công nghệ Xi măng VICEM	Số 3 Đường Hà Nội, phường Hồng Bàng, Hải Phòng	1			1
4	TC Du lịch Thăng Long		8A Lán Bè, P. An Biên, Hải Phòng		1	1	
5	TC Bách khoa Hải Phòng		Số 1 đường Hồng Đức, Khu đô thị Cự Viên, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng		1	1	
6	TC Chuyên nghiệp Hải Phòng		Số 39 Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP Hải Phòng		1	1	
7	TC Tài chính - Kế toán		29 Lực Hành, phường Hải An, TP Hải Phòng		1	1	
8	TC Công nghệ số và Quản trị xanh Việt Nam	Công ty TNHH V.tài và T.mại Trường Thành Phát	Km 87 quốc lộ 10, phường An Dương, thành phố Hải Phòng		1	1	
9	Trường Trung cấp Y khoa Việt Nam		Trụ sở chính: 89 Ngô Gia Tự - Tam Sơn - Từ Sơn - Bắc Ninh; Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: Xã Kiến Thụy - TP Hải Phòng		1	1	

Phụ lục I: MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (TRƯỜNG CAO ĐẲNG)

(Kèm theo Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

TT	Tên cơ sở	Cơ quan chủ quản	Địa chỉ	Loại hình			
				Công lập	Tư thực	Địa phương	Trung ương
TỔNG				16	6	4	18
I	Tây Hải Phòng			5	1	1	5
1	Trường Cao đẳng Cơ giới xây dựng	Bộ GDĐT	Số 9, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Chu Văn An, TP Hải Phòng	1			1
2	Trường Cao đẳng Du lịch và Công thương Hải Dương	Bộ Công Thương	Km 43, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP Hải Phòng	1			1
3	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đường bộ	Bộ Xây dựng	Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Hải Phòng	1			1
4	Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương	Bộ Y tế	Số 324, Nguyễn Lương Bằng, P Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng	1			1
5	Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	UBND thành phố Hải Phòng	Tiền Trung, P. Ái Quốc, Thành phố Hải Phòng	1		1	
6	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ		Thôn Dường Thái, Xã Phú Thái, TP Hải Phòng		1		1
II	Đông Hải Phòng			11	5	3	13
1	CD Kinh tế Hải Phòng	UBND thành phố Hải Phòng	- 83 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, HP; - 264 Trần Nhân Tông, phường Kiến An, HP; - Số 72 Hoàng Thiết Tâm, Phường Kiến An, HP -10A/319 Đà Nẵng, Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, HP	1		1	
2	CD Kỹ thuật Hải Phòng	UBND thành phố Hải Phòng	Xã An Khánh, Hải Phòng; 165 Hoàng Quốc Việt, phường Phù Liễn, HP	1		1	
3	CD Y tế Hải Phòng	UBND thành phố Hải Phòng	169 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, HP	1		1	
4	CD Công nghệ Viettronics	TCT CP Điện tử và Tin học VN	Số 118 Đường Cát Bi, Phường Hải An, Tp Hải Phòng.	1			1
5	CD Giao thông vận tải Trung ương II	Bộ Xây dựng	P. An Hải - TP. Hải Phòng	1			1
6	CD Kinh tế - Kỹ thuật Bắc bộ	Liên minh HTX Việt Nam	184 đường 5 mới, P. Hồng Bàng, HP	1			1
7	CD Du lịch Hải Phòng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phường An Dương, TP Hải Phòng.	1			1
8	CD Thủy sản và Công nghệ thực phẩm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	TSC: Phường Đồ Sơn, TP. Hải Phòng; - 912 Thiên Lôi; phường Lê Chân, Hải Phòng; - 828 Trần Nhân Tông, P. Kiến An, TP. Hải Phòng; - 36 đường Dân Lập; phường Lê Chân, TP. Hải Phòng	1			1
9	CD VMU	Trường Đại học Hàng Hải VN	- TSC: Số 211 Đường Hải Triều, phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng; - Khu giảng đường D, Số 246A Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	1			1

10	CĐ Hàng hải và Đường thủy I	Cục Hàng hải và Đường thủy - Bộ Xây dựng	- TSC: Số 498 Đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải TP Hải Phòng; - Phân hiệu: P. Nam Đồng, TP Hải Phòng - Địa điểm đào tạo: + Phố Phương Khê, Phường Kiến An, TP Hải Phòng; + Phố Thượng Đoạn 2, P. Đông Hải, TP Hải Phòng; + Số 22 Đình Nhu, P. An Biên, TP Hải Phòng	1			1
11	CĐ Bách nghệ Hải Phòng		- 70 Mạc Quyết, phường Hưng Đạo, TP Hải Phòng; - 196/143 Trường Chinh, P. Kiến An, TP Hải Phòng		1		1
12	CĐ Công nghệ Bách khoa Hà Nội		90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, HP		1		1
13	CĐ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp		156/109 đường Trường Chinh, phường Kiến An, TP Hải Phòng		1		1
14	CĐ FPT Polytechnic		- Trụ sở chính: Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; - Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 118 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng		1		1
15	CĐ Y Dược Hà Nội		- Trụ sở chính: Khúc Xuyên, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; - Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, Hải Phòng		1		1
16	CĐN số 20 - Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng	- Trụ sở chính: Tỉnh Nam Định; - Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: + Số 248 đường Lê Duẩn, P. Kiến An, thành phố Hải Phòng; + Thôn Xuân Sơn, xã An Lão, thành phố Hải Phòng	1			1

6	Nhóm ngành khoa học xã hội	3147	54	3	0	0	0	2207	54	3				142			770						28	0	0			
7	Các chương trình tiên tiến	1872	0	0	1872	0	0	0	0	0				0										0	0			
8	Các chương trình liên kết	0	0	0	0	0	0	0	0	0				0										0	0			
	Tổng	58461	2258	139	21355	1139	68	11248	570	6	7271	141	65	1627	0	0	9215	348	0	4526	414	6	4410	0	0	3335	60	0